

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2025 – 2026**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Chương trình Giáo dục Phổ thông;
- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Thông tư số 28/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường Tiểu học;
- Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;
- Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;
- Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường Tiểu học, trường Trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học
- Quyết định số 2358/QĐ-BGDĐT ngày 20/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành kế hoạch nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm năm học 2025 - 2026 của ngành Giáo dục;
- Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;
- Công văn số 852/SGDĐT-GDTrH&HSSV, ngày 29/8/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện Nội dung giáo dục của địa phương cấp THCS, THPT năm học 2025-2026;
- Công văn số 866/SGDĐT-GDTrH&HSSV, ngày 29/8/2025 của Sở GDĐT về việc lịch công tác trọng tâm Giáo dục Trung học và Học sinh, sinh viên năm học 2025-2026;

- Công văn số 630/SGDĐT-GDTH ngày 18/8/2025 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục tiểu học từ năm học 2025-2026.

- Công văn số 760/SGDĐT-GDTH ngày 25/8/2025 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng về việc thực hiện nội dung giáo dục địa phương cấp tiểu học thành phố Đà Nẵng từ năm học 2025-2026.

- Công văn số 761/SGDĐT-GDTH ngày 25/8/2025 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng về việc hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số ở cấp tiểu học từ năm học 2025-2026.

- Công văn số 762/SGDĐT-GDTH ngày 25/8/2025 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học từ năm học 2025-2026.

- Công văn số 763/SGDĐT-GDTH ngày 25/8/2025 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng về việc triển khai nhiệm vụ bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và an toàn trường học năm học 2025-2026.

- Công văn số 743/SGDĐT-GDTH ngày 25/8/2025 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng về việc tổ chức dạy học các môn Ngoại ngữ 1 cấp Tiểu học.

- Công văn số 744/SGDĐT-GDTH ngày 23/8/2025 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1 và lớp 2 theo Chương trình GDPT 2018.

- Công văn số 920/SGDĐT-GDTH ngày 04/9/2025 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục tiểu học từ năm học 2025-2026

- Công văn số 867/SGDĐT-GDTrH&HSSV, ngày 29/8/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Trung học năm học 2025-2026;

- Công văn số 919/SGDĐT-GDTH ngày 04/9/2025 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng về việc hướng dẫn nhiệm vụ Giáo dục Tiểu học năm học 2025-2026.

- Căn cứ Công văn số 954/SGDĐT-GDPT ngày 04/9/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026.

- Căn cứ vào kết quả đạt được từ năm học 2024 – 2025 và tình hình thực tế của địa phương và của đơn vị, Trường TH&THCS Huỳnh Thúc Kháng xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

II. ĐẶC ĐIỂM VỀ TÌNH HÌNH

Xã Quế Phước là xã miền núi thuộc thành phố Đà Nẵng, đời sống nhân dân chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp (trồng keo, ngô, lúa) và chăn nuôi; một bộ phận lao động là công nhân, tham gia dịch vụ và xuất khẩu lao động. Hệ thống hạ tầng, giao thông nông thôn từng bước được đầu tư, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác giáo dục, y tế, an sinh xã hội được quan tâm, trường lớp từng bước được nâng cấp đáp ứng Chương trình GDPT 2018; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới được duy trì. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân từng bước cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định.

1. Cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên

| TT | Họ và tên | Giới tính | Ngày sinh | Chức vụ | ĐV | Trình độ chuyên môn | Nhiệm vụ phân công | Ghi chú |
|----|----------------------|-----------|------------|---------|----|---------------------|---------------------|---------|
| 1 | Đoàn Văn Sinh | Nam | 30/12/1971 | HT | X | ĐHSP | Quản lý chung | |
| 2 | Đỗ Thị Minh Thuận | Nữ | 17/09/1980 | P.HT | X | ĐHSP | Quản lý chuyên môn | |
| 3 | Trương Ngọc Ánh | Nam | 14/04/1973 | PHT | X | ĐHSP | Quản lý chuyên môn | |
| 4 | Phan Thanh Bình | Nam | 18/01/1980 | GV | X | ĐHSP | Giáo viên Nhạc | |
| 5 | Võ Đoàn Ân | Nam | 01/01/1968 | TPCM | | ĐHSP | Giáo viên Văn | |
| 6 | Trần Thị Kim Chanh | Nữ | 28/02/1985 | TKHD | X | ĐHSP | Giáo viên Văn | |
| 7 | Lưu Thị Bích Dương | Nữ | 01/01/1990 | BT đoàn | X | ĐHSP | Giáo viên Tin học | |
| 8 | Phạm Thị Bích Hiệp | Nữ | 16/03/1990 | GV | X | ĐHSP | Giáo viên Mĩ thuật | |
| 9 | Phạm Kim Hòa | Nam | 09/06/1978 | GV | X | ĐHSP | Giáo viên Lý | |
| 10 | Bùi Văn Thuận | Nam | 29/10/1978 | TPT đội | | ĐHSP | TPT đội | HĐ |
| 11 | Nguyễn Thị Lựu | Nữ | 26/06/1990 | GV | X | ĐHSP | Giáo viên tiểu học | HĐ |
| 12 | Lê Xuân Huy | Nam | 02/12/1974 | TTCM | X | ĐHSP | Giáo viên tiếng Anh | |
| 13 | Mai Mạnh Cường | Nam | 25/08/1993 | GV | X | ĐHSP | Giáo dục thể chất | HĐ |
| 14 | Hồ Thị Liên | Nữ | 29/08/1978 | GV | | ĐHSP | Giáo viên tiếng Anh | |
| 15 | Hồ Thị Thiên Nga | Nữ | 03/03/1969 | TTCM | | ĐHSP | Giáo viên tiểu học | |
| 16 | Trần Thị Nga | Nữ | 13/09/1974 | TPCM | X | ĐHSP | Giáo viên Toán | |
| 17 | Cơ Lâu Thị Nghim | Nữ | 25/03/1991 | GV | | ĐHSP | Giáo viên tiểu học | |
| 18 | Ngô Thị Phương Nhanh | Nữ | 10/8/1990 | GV | | ĐHSP | Giáo viên Hóa | HĐ |
| 19 | Phan Văn Phong | Nam | 01/01/1961 | GV | | ĐHSP | Mỹ thuật | HĐ |
| 20 | Bùi Thị Hồng Phước | Nữ | 18/03/1977 | N.viên | X | Đại học | Kế toán | |
| 21 | Hồ Thị Thu Phương | Nữ | 05/04/1989 | GV | X | ĐHSP | Giáo viên Sinh | |
| 22 | Nguyễn Nữ Thu Sương | Nữ | 26/12/2000 | GV | | ĐHSP | Giáo viên tiểu học | HĐ |
| 23 | Lương Thị Tám | Nữ | 01/01/1971 | N. viên | | Sơ cấp | Phục vụ | |
| 24 | Lào Thị Xuân Thanh | Nữ | 03/02/1990 | TPCM | X | ĐHSP | Giáo viên tiểu học | |
| 25 | Lê Đức Thành | Nam | 20/12/1976 | GV | | ĐHSP | Giáo viên tiểu học | |
| 26 | Đồng Thị Thu Thanh | Nữ | 02/08/1971 | TTCM | X | ĐHSP | Giáo viên tiểu học | |
| 27 | Trần Hạnh Quyên | Nữ | 08/03/2003 | GV | | ĐHSP | Giáo viên tiểu học | HĐ |
| 28 | Trần Thị Thu | Nữ | 24/12/1979 | N.viên | X | Đại học | Thiết bị | |
| 29 | Hà Thị Hương | Nữ | 01/03/1989 | N.viên | X | Trung cấp | Thư viện | |
| 30 | Lê Thị Triều | Nữ | 20/05/1993 | GV | X | ĐHSP | Giáo viên Sử | |
| 31 | Trần N. Thạch Trúc | Nữ | 06/09/1991 | TPCM | | ĐHSP | Giáo viên tiểu học | |
| 32 | Lê Phước Tuấn | Nam | 10/05/1968 | GV | | ĐHSP | Giáo viên Toán | |
| 33 | Phạm Thị Mỹ Vân | Nữ | 03/06/1984 | N.viên | X | Trung cấp | Văn thư-Lưu trữ | |
| 34 | Tô Thị Thanh Yến | Nữ | 24/04/1999 | GV | | ĐHSP | Giáo viên tiểu học | |
| 35 | Nguyễn Hồng Đào | Nam | 17/08/1987 | N.viên | X | Đại học | Bảo vệ | |
| 36 | Ngô Thị Hiếu Vương | Nữ | 20/05/1989 | GV | | Đại học | Giáo viên tiếng anh | |
| 37 | Zơ Râm Linh | Nữ | 02/12/1997 | GV | | Cao đẳng | Giáo viên Tiểu học | HĐ |
| 38 | Hồ Minh Xuyên | Nam | 30/07/1996 | GV | | Đại học | GDTC | |
| 39 | Hồ Thị Ánh Vi | Nữ | 25/05/1993 | GV | X | Đại học | Giáo viên Tiểu học | |

2. Về bộ môn và trình độ đào tạo giáo viên

| Tổng cộng | CBQL | | GV-NV | | Nữ | Trình độ chuyên môn | | | | Đăng viên | BC | HD. Thỉnh giảng | Tin học | | | Ngoại ngữ | | | Chính trị | |
|-----------|------|-----|-------|----|----|---------------------|----|----|----|-----------|----|-----------------|---------|----|----|-----------|---|----|-----------|----|
| | HT | PHT | GV | NV | | ĐH | CD | TC | SC | | | | A | B | C | B2 ĐH | B | C | SC | TC |
| 39 | 1 | 2 | 29 | 6 | 24 | 32 | 1 | 2 | 1 | 21 | 29 | 8 | 0 | 35 | 01 | 2 | 0 | 34 | 7 | 6 |

| Toán | KHTN | LS&ĐL | Văn | Anh | GDCD | Tin học | N. thuật | GDTC | GV.TH | GV chuyên | TPT |
|------|------|-------|-----|-----|------|---------|----------|------|-------|-----------|-----|
| 02 | 03 | 01 | 02 | 02 | 0 | 01 | 03 | 02 | 10 | 03 | 01 |
| | | | | | | | | | | | |

3. Quy mô trường lớp và học sinh

| Khối lớp | Số lớp, số học sinh | | | | |
|--------------------|---------------------|-------------|------------|------------|---------------|
| | Số lớp | Số học sinh | | | |
| | | Tổng số | Nữ | Khuyết tật | Nữ khuyết tật |
| 1 | 02 | 30 | 15 | 0 | 0 |
| 2 | 02 | 30 | 20 | 0 | 0 |
| 3 | 02 | 32 | 12 | 0 | 0 |
| 4 | 02 | 31 | 16 | 0 | 0 |
| 5 | 02 | 27 | 07 | 01 | 0 |
| Tổng TH | 10 | 155 | 70 | 01 | 0 |
| 6 | 01 | 31 | 17 | 01 | 0 |
| 7 | 02 | 35 | 14 | 02 | 0 |
| 8 | 01 | 48 | 23 | 04 | 01 |
| 9 | 01 | 30 | 20 | 0 | 0 |
| Tổng THCS | 05 | 144 | 74 | 07 | 0 |
| Toàn trường | 15 | 299 | 144 | 08 | 01 |

4. Môi trường bên ngoài

a) Thời cơ

- Chính sách, chủ trương đổi mới giáo dục: Sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, đối với việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 là điều kiện thuận lợi giúp nhà trường có định hướng rõ ràng trong công tác giảng dạy và giáo dục.

- Công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ: Việc ứng dụng công nghệ trong quản lý và dạy học, đặc biệt là các phần mềm hỗ trợ giảng dạy, học trực tuyến, kiểm tra - đánh giá, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

- Sự phối hợp của phụ huynh và cộng đồng: Nhận thức của phụ huynh về vai trò giáo dục ngày càng nâng cao, nhiều phụ huynh chủ động phối hợp cùng nhà trường trong công tác giáo dục học sinh.

- Cơ hội tiếp cận các nguồn lực ngoài nhà trường: Các chương trình xã hội hóa giáo dục, tài trợ từ tổ chức, cá nhân trong và ngoài địa phương tạo điều kiện hỗ trợ cơ sở vật chất, học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

b) Thách thức

- Địa phương còn nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội: Một số học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thiếu điều kiện học tập, thiết bị học tập cá nhân, ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục toàn diện.

- Chênh lệch về trình độ giữa các học sinh: Sự không đồng đều trong năng lực, điều kiện học tập giữa các học sinh gây khó khăn cho giáo viên trong việc tổ chức dạy học phân hóa, cá thể hóa theo năng lực người học.

- Áp lực đổi mới chương trình giáo dục: Giáo viên cần thời gian thích nghi với phương pháp, nội dung mới trong Chương trình GDPT 2018; việc thiết kế kế hoạch bài dạy, đổi mới kiểm tra đánh giá, soạn giảng theo hướng phát triển năng lực còn nhiều khó khăn.

- Thiếu nhân lực, đặc biệt là giáo viên một số môn: Việc thiếu giáo viên ở các môn Nghệ thuật, GDTC, KHTN hoặc giáo viên dạy liên cấp ảnh hưởng đến việc triển khai chương trình mới.

- Tác động từ mạng xã hội và môi trường sống: Một số học sinh bị ảnh hưởng tiêu cực bởi các thông tin độc hại, lối sống chưa lành mạnh, gây khó khăn cho công tác giáo dục đạo đức, kỹ năng sống.

5. Môi trường bên trong

a) Thuận lợi

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên ổn định, tâm huyết: Hầu hết giáo viên có tinh thần trách nhiệm, yêu nghề, nhiệt tình trong công tác giảng dạy và giáo dục học sinh. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn cao.

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của lãnh đạo: Nhà trường có kế hoạch, định hướng rõ ràng trong từng năm học; thường xuyên kiểm tra, hỗ trợ chuyên môn cho giáo viên; chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra - đánh giá.

- Chất lượng học sinh từng bước được nâng cao: Nhiều học sinh có ý thức học tập tốt, có khả năng tự học và tham gia tích cực các hoạt động học tập, rèn luyện.

- Cơ sở vật chất tương đối đầy đủ: Trường có phòng học kiên cố, một số phòng chức năng, thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy học theo Chương trình GDPT 2018.

- Tập thể sư phạm đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau: Mọi quan hệ đồng nghiệp thân thiện, có tinh thần hợp tác trong xây dựng kế hoạch và triển khai nhiệm vụ.

- Công tác phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh được duy trì thường xuyên, tích cực hỗ trợ trong quản lý học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục.

b) Khó khăn

- Một bộ phận giáo viên còn lúng túng khi thực hiện chương trình mới: Việc xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển năng lực học sinh, đánh giá thường xuyên còn chưa đồng đều, nhất là với giáo viên lớn tuổi.

- Thiếu giáo viên một số môn học mới hoặc đặc thù: Như Nghệ thuật, GDTC, KHTN, GDTC gây khó khăn trong phân công giảng dạy theo đúng chương trình.

- Thiếu thiết bị dạy học tối thiểu: Một số lớp học chưa được trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị, học liệu số để tổ chức các hoạt động dạy học theo yêu cầu mới.

- Một số học sinh còn thiếu kỹ năng tự học, tự quản: Khó khăn trong việc triển khai các hình thức dạy học tích cực, phát huy năng lực tự học và hợp tác của học sinh.

- Một bộ phận phụ huynh chưa quan tâm đúng mức đến việc học của con em: Chưa phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong giáo dục đạo đức, nề nếp, ý thức học tập cho học sinh.

- Kinh phí hoạt động còn hạn chế: Ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống, bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu.

II. ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Bám sát mục tiêu giáo dục toàn diện của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đảm bảo phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; đồng thời vận dụng linh hoạt các quy định, hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT phù hợp với điều kiện thực tế.

Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường trên nguyên tắc chủ động, linh hoạt, phát huy vai trò của tổ chuyên môn và giáo viên; đảm bảo tính khoa học, khả thi, phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và đặc điểm học sinh.

Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh; chú trọng tổ chức các hoạt động học tập tích cực, rèn luyện kỹ năng, trải nghiệm sáng tạo cho học sinh.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học; xây dựng và sử dụng hiệu quả kho học liệu số, tài nguyên mở để phục vụ giảng dạy, học tập và tự học.

Tập trung bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý, đặc biệt là năng lực xây dựng kế hoạch bài dạy, đánh giá học sinh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực.

Thực hiện tốt công tác phân hóa đối tượng học sinh: Tăng cường phụ đạo học sinh chưa đạt, bồi dưỡng học sinh khá, tốt; phát huy hiệu quả các hoạt động hỗ trợ học tập ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ học thuật.

Đẩy mạnh công tác phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong giáo dục học sinh; huy động các nguồn lực xã hội hóa để hỗ trợ hoạt động giáo dục, cải thiện cơ sở vật chất, tổ chức hoạt động trải nghiệm và chăm lo học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Chú trọng giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, văn hóa ứng xử, định hướng nghề nghiệp cho học sinh; tăng cường công tác tư vấn tâm lý học đường, phòng chống bạo lực học đường, đảm bảo an toàn trường học.

Đính kèm Phụ lục 1: Tổ chức các hoạt động giáo dục nhà trường.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu chung

- Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

- Mục tiêu giáo dục của nhà trường là thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với cấp trung học cơ sở, nhằm hình thành và

phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực học sinh; giúp học sinh phát triển hài hòa về trí tuệ, đạo đức, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, có ý thức học tập suốt đời, yêu quê hương, đất nước, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng.

- Nhà trường hướng đến xây dựng môi trường học tập tích cực, an toàn, thân thiện, giúp học sinh:

+ Hình thành các phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm;

+ Phát triển các năng lực cốt lõi: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông, năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán;

+ Được giáo dục toàn diện thông qua việc kết hợp giữa dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

- Mục tiêu chung còn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đảm bảo học sinh sau khi hoàn thành chương trình THCS có đủ kiến thức, kỹ năng và phẩm chất để tiếp tục học lên THPT, học nghề hoặc bước đầu tham gia vào cuộc sống lao động phù hợp với lứa tuổi.

- Xây dựng cơ sở vật chất khang trang, xanh- sạch- đẹp, trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển của giáo dục.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đối với học sinh THCS

100% học sinh được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần khi đến trường.

Tỷ lệ học sinh xếp loại rèn luyện Tốt và Khá đạt từ 98% trở lên.

Tỷ lệ học sinh xếp loại học tập Khá, tốt đạt từ 60% trở lên; không có HS chưa đạt.

100% học sinh được xét và đủ điều kiện tốt nghiệp THCS.

Tham gia đầy đủ các hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống, hoạt động ngoài giờ lên lớp; ít nhất 90% học sinh tham gia có hiệu quả.

Phát hiện và bồi dưỡng học sinh năng khiếu: Có học sinh tham gia và đạt giải trong các cuộc thi học sinh giỏi, thể thao, văn nghệ, STEM...

100% học sinh lớp 9 được tư vấn hướng nghiệp, phân luồng sau THCS.

2.2. Đối với học sinh Tiểu học

Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học. Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các phương án tổ chức dạy học linh hoạt, phù hợp với học sinh và điều kiện thực tiễn, đề phòng trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại địa phương.

Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

Tổ chức thực hiện CTGDPT 2018 đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, tạo cơ hội, điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện; đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, sử dụng

trí tuệ nhân tạo (AI), nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai.

100% học sinh được đánh giá mức đạt trở lên về phẩm chất và năng lực, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào thực tế.

Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của học sinh.

Bồi dưỡng, phát triển học sinh năng khiếu, tổ chức các câu lạc bộ để phát huy năng lực của học sinh.

Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực.

Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ, nâng cao kiến thức trình độ chuyên môn, đổi mới sinh hoạt chuyên môn tổ (nhóm)''

Tạo không khí làm việc thân thiện, dân chủ; phát huy năng lực, sở trường, khả năng sáng tạo của giáo viên, thực hiện tốt văn hóa công sở.

* **Kết quả học sinh**

- Năm học 2025-2026, đảm bảo 100% học sinh toàn trường được học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học; mỗi tiết học 35 phút.

- Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào học lớp 1, giữ vững số lượng học sinh từ đầu năm đến cuối năm học, không có học sinh bỏ học nửa chừng.

- 100% học sinh lớp 1, 2 được học môn tự chọn Tiếng Anh với thời lượng 2 tiết/ 1 tuần.

- 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 được học Tiếng Anh theo Chương trình GDPT 2018 với thời lượng 4 tiết/ 1 tuần.

- Đảm bảo thực hiện giáo dục học hòa nhập cho 100% học sinh khuyết tật tại địa phương được tham gia.

- Học sinh hoàn thành chương trình lớp đạt 99% trở lên.

- Đối với học sinh lớp 5 được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học 100% đảm bảo chất lượng.

- Danh hiệu học sinh được khen thưởng về Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ học tập và rèn luyện, khen thưởng thành tích nổi trội ở từng môn học đạt từ 50 % trở lên.

- Tham gia và có học sinh đạt giải trong các hội thi do ngành tổ chức.

- Tham gia và có HS đạt giải Hội thi giải thể thao cấp xã.

* **Các hoạt động giáo dục**

- Tiếp tục duy trì PCGDTH mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, tăng cường Tiếng Việt, tăng cường Toán, nâng cao chất lượng giáo dục STEM/STEAM, giáo dục phát triển năng lực số, giáo dục sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI), nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh; tăng cường các hoạt động khác đảm bảo 100% học sinh được hỗ trợ học tập đạt yêu cầu.

- Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng đẩy mạnh phân cấp quản lý, tăng cường quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục. Tăng cường nền nếp, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục trong

nhà trường. Chú trọng kết hợp dạy chữ với dạy người, giáo dục ý thức, trách nhiệm của công dân đối với gia đình - nhà trường - xã hội cho học sinh tiểu học. Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành phù hợp điều kiện từng địa phương.

*** Chỉ tiêu:**

- 100% học sinh trường học 02 buổi/ngày, 09 buổi/tuần; 100% học sinh khối lớp 1, 2 được học môn Tiếng Anh.

- 100% học sinh có phẩm chất tốt, biết kính trọng thầy cô, người lớn tuổi; biết yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ bạn bè; biết giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp và có kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp tốt.

- 100% học sinh tiểu học được hình thành và phát triển các năng lực cốt lõi, bao gồm các năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; các năng lực đặc thù: Ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

- 99 % trở lên học sinh lớp 1, 2, 3, 4 hoàn thành chương trình lớp học; 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học.

- 100% học sinh được giáo dục kỹ năng sống.

2.3. Đối với giáo viên

100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp loại tốt.

100% giáo viên thực hiện đầy đủ chương trình, kế hoạch giáo dục, đổi mới phương pháp, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

100% giáo viên tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn chương trình GDPT 2018.

Tối thiểu 90% giáo viên ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong dạy học và kiểm tra đánh giá.

2.4. Đối với tổ chuyên môn

100% tổ chuyên môn xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục tổ theo đúng hướng dẫn, đảm bảo linh hoạt, phù hợp thực tế.

Tổ chức ít nhất 04 chuyên đề chuyên môn cấp trường/năm học; trong đó, có chuyên đề theo hướng phát triển năng lực học sinh.

Tổ chức dạy học theo chủ đề, dạy học tích hợp đạt hiệu quả; có ít nhất 1 sản phẩm hoặc sáng kiến được áp dụng thực tiễn.

Tăng cường sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, chia sẻ kinh nghiệm, bồi dưỡng năng lực sư phạm cho giáo viên.

2.5. Đối với tổ văn phòng

100% cán bộ, nhân viên văn phòng thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn, phục vụ kịp thời cho các hoạt động dạy học, giáo dục.

Hồ sơ, sổ sách, văn bản hành chính, tài chính được quản lý khoa học, đúng quy định, không có sai sót.

Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, lưu trữ văn bản, quản lý học sinh đạt hiệu quả, bảo mật thông tin tốt.

Xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, hỗ trợ tích cực cho các hoạt động nhà trường.

2.6. Đối với đoàn thể và tổ chức khác

Chi bộ, chi đoàn, đội thiếu niên hoạt động nền nếp, hiệu quả; phát huy vai trò nòng cốt trong xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

100% đoàn thể xây dựng được chương trình hoạt động năm học gắn với nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường.

Phối hợp tổ chức tốt các phong trào thi đua, hoạt động văn hóa - thể thao, giáo dục truyền thống, kỹ năng sống cho học sinh.

Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ, học sinh và vận động xã hội hóa giáo dục.

2.7. Đối với tập thể nhà trường

Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học theo kế hoạch và chỉ đạo của cấp trên.

Giữ vững danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, phấn đấu đạt danh hiệu cao hơn nếu đủ điều kiện.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tạo niềm tin đối với phụ huynh và xã hội.

Xây dựng môi trường học đường an toàn, thân thiện, tích cực, học sinh hạnh phúc, giáo viên yên tâm công tác.

3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025- 2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Thực hiện Quyết định số 1093 /QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về Kế hoạch khung thời gian năm học 2025-2026 cụ thể đối với giáo dục tiểu học:

Ngày tựu trường: Thứ năm, ngày 28 /8/2025, riêng đối với lớp 1,6 tựu trường vào ngày 26/8/2025.

Ngày khai giảng: ngày 05/9/2025

Học kỳ I: Từ ngày 05/9/2025 đến trước ngày 18/01/2026 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Học kỳ II: Từ ngày 19/01/2026 đến trước ngày 31/5/2026 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho nghỉ lễ, Tết và các hoạt động khác).

Xét công nhận hoàn thành chương trình TH và THCS trước 05/6/2026

Hoàn thành tuyển sinh lớp 1,6 trước 31/7/2026.

IV.NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện Chương trình GDP

1.1. Cơ sở vật chất

Rà soát, kiểm tra hiện trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện có để xây dựng kế hoạch bổ sung, sửa chữa, nâng cấp đảm bảo phục vụ dạy học theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

Bố trí đủ phòng học cho các lớp theo từng khối, đảm bảo mỗi lớp có phòng học riêng, đủ ánh sáng, bàn ghế phù hợp với độ tuổi học sinh.

Tận dụng hiệu quả các phòng chức năng như phòng Tin học, phòng Thư viện, phòng Mỹ thuật, Âm nhạc, phòng học bộ môn... trong tổ chức dạy học và hoạt động trải nghiệm.

Trang bị thiết bị dạy học tối thiểu cho từng môn học/lớp học theo quy định; đảm bảo các dụng cụ thí nghiệm, học liệu trực quan phục vụ hoạt động thực hành, khám phá, trải nghiệm của học sinh.

Tăng cường đầu tư thiết bị công nghệ thông tin: máy tính màn hình tương tác, hệ thống mạng... để giáo viên và học sinh ứng dụng trong dạy - học, kiểm tra - đánh giá.

Xây dựng và khai thác thư viện số, kho học liệu điện tử, tài nguyên số dùng chung, đáp ứng yêu cầu học tập đa dạng, linh hoạt của học sinh.

Bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động giáo dục thể chất, kỹ năng sống và trải nghiệm, như: sân chơi, bãi tập, phòng đa năng, không gian xanh, không gian sáng tạo, v.v.

Phối hợp với chính quyền, ban đại diện cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội để huy động nguồn lực hỗ trợ nâng cấp, bổ sung trang thiết bị còn thiếu, nhất là ở các khối lớp đầu cấp, cuối cấp.

1.2. Đội ngũ:

a) Lãnh đạo nhà trường

Lãnh đạo nhà trường có đủ số lượng theo quy định, cơ cấu hợp lý, đảm bảo năng lực quản lý, lãnh đạo triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT.

Chủ động xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục nhà trường sát với thực tiễn.

Thường xuyên bồi dưỡng, cập nhật văn bản chỉ đạo, chuyên môn; chỉ đạo triển khai chương trình theo hướng phát huy năng lực học sinh.

Tăng cường công tác kiểm tra, hỗ trợ chuyên môn, tạo điều kiện cho giáo viên đổi mới phương pháp, đánh giá học sinh phù hợp chương trình mới.

b) Tổ chuyên môn

Được kiện toàn, phân công đúng chuyên môn; hoạt động có nề nếp và hiệu quả.

Chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục tổ chuyên môn theo hướng linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể và năng lực học sinh.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ, đổi mới nội dung sinh hoạt theo hướng nghiên cứu bài học, chia sẻ kinh nghiệm, tăng cường năng lực cho giáo viên.

Phối hợp tổ chức dạy học tích hợp, dạy học theo chủ đề, đổi mới kiểm tra - đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

c) Giáo viên

Đội ngũ giáo viên cơ bản đáp ứng về số lượng, cơ cấu bộ môn; phần lớn giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo.

Giáo viên có ý thức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tích cực đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin.

Phân công chuyên môn hợp lý, chú trọng bố trí giáo viên dạy các lớp đầu cấp, cuối cấp có kinh nghiệm, năng lực.

Tích cực tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chương trình GDPT 2018 và thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch bài dạy, kiểm tra - đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Một số giáo viên đa môn, liên môn vẫn còn thiếu ở một vài bộ môn đặc thù như Âm nhạc, Mỹ thuật, KHTN, GDCD, Tin Tiểu học cần tiếp tục kiến nghị bổ sung hoặc tăng cường bồi dưỡng.

d) Nhân viên

Nhân viên văn phòng, thiết bị, thư viện, kế toán, y tế học đường... cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Thực hiện tốt công tác phục vụ giảng dạy, đảm bảo đầy đủ hồ sơ, tài liệu, sổ sách theo quy định.

Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ và hỗ trợ các hoạt động giáo dục.

Phối hợp với các bộ phận chuyên môn đảm bảo an toàn trường học, chăm sóc sức khỏe học sinh, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm.

1.3. Thiết bị dạy học, học liệu:

Rà soát thiết bị dạy học hiện có, đối chiếu với danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GDĐT đối với từng môn học, từng khối lớp để xây dựng kế hoạch bổ sung, đầu tư phù hợp.

Ưu tiên trang bị thiết bị cho các lớp đầu cấp và môn học mới trong Chương trình GDPT 2018 như Tin học, Công nghệ, Âm nhạc, Mỹ thuật, Hoạt động trải nghiệm... nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

Bảo quản, khai thác và sử dụng hiệu quả thiết bị hiện có, tăng cường thực hành, thí nghiệm, trải nghiệm, rèn kỹ năng cho học sinh.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học: Trang bị máy tính, bảng tương tác; hỗ trợ giáo viên xây dựng bài giảng điện tử, video học tập, kho học liệu số.

Bổ sung và làm phong phú hệ thống học liệu phục vụ dạy học:

+ Sách giáo khoa, sách tham khảo, tài liệu hướng dẫn dạy học các môn học theo chương trình mới;

+ Học liệu số như: video, mô hình ảo, phần mềm mô phỏng, học liệu mở được lựa chọn kỹ lưỡng, phù hợp đối tượng học sinh.

Xây dựng và khai thác thư viện truyền thống kết hợp thư viện số nhằm khuyến khích văn hóa đọc và hỗ trợ học sinh, giáo viên tra cứu tài liệu học tập, giảng dạy.

Phối hợp với phụ huynh, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội trong việc xã hội hóa nguồn lực để bổ sung học liệu, thiết bị còn thiếu hoặc đã xuống cấp.

Phân công cán bộ, giáo viên phụ trách thiết bị, thư viện quản lý và hỗ trợ sử dụng học liệu hiệu quả, đúng mục đích, phục vụ thiết thực cho đổi mới phương pháp dạy học.

2. Tổ chức thực hiện Chương trình GDPT đảm bảo hiệu quả, chất lượng

2.1. Tổ chức thực hiện dạy học các môn học và các hoạt động giáo dục theo chương trình

2.1.1. Thời gian và kế hoạch thực hiện chương trình Cấp THCS

Nhà trường thực hiện kế hoạch năm học theo Quyết định ban hành khung kế hoạch thời gian năm học của UBND Thành phố.

Tổng thời gian dạy học thực hiện theo đúng quy định của Chương trình GDPT 2018 và hướng dẫn tại Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020.

Các môn học và hoạt động giáo dục được phân bổ thời lượng cụ thể cho từng học kỳ, đảm bảo đủ số tiết/năm, linh hoạt trong sắp xếp, phân bổ tiết học theo mạch nội dung phù hợp với đặc điểm từng môn học.

| Môn học/Hoạt động GD | Khối 6 | Khối 7 | Khối 8 | Khối 9 |
|-------------------------------------|--------|--------|--------|--------|
| Ngữ văn | 140 | 140 | 140 | 140 |
| Toán | 140 | 140 | 140 | 140 |
| Ngoại ngữ 1(Tiếng Anh) | 105 | 105 | 105 | 105 |
| Giáo dục thể chất | 70 | 70 | 70 | 70 |
| Lịch sử và Địa lí | 105 | 105 | 105 | 105 |
| Khoa học tự nhiên | 140 | 140 | 140 | 140 |
| Tin học | 35 | 35 | 35 | 35 |
| GDCD | 35 | 35 | 35 | 35 |
| Công nghệ | 35 | 35 | 52 | 52 |
| Âm nhạc | 35 | 35 | 35 | 35 |
| Mĩ thuật | 35 | 35 | 35 | 35 |
| Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp | 105 | 105 | 105 | 105 |
| Nội dung giáo dục địa phương | 35 | 35 | 35 | 35 |

2.1.2. Thời gian và kế hoạch thực hiện chương trình Cấp Tiểu học

| TT | Hoạt động giáo dục | Số tiết lớp 1 | | | Số tiết lớp 2 | | | Số tiết lớp 3 | | | Số tiết lớp 4 | | | Số tiết lớp 5 | | |
|----------------------------|---------------------|---------------|-----|------|---------------|-----|------|---------------|-----|------|---------------|-----|------|---------------|-----|------|
| | | Tổng | HKI | HKII | Tổng | HKI | HKII | Tổng | HKI | HKII | Tổng | HKI | HKII | Tổng | HKI | HKII |
| 1. Môn học bắt buộc | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tiếng Việt | 420 | 216 | 204 | 350 | 180 | 170 | 245 | 126 | 119 | 245 | 126 | 119 | 245 | 126 | 119 |
| 2 | Toán | 105 | 54 | 51 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 |
| 3 | Tiếng Anh | | | | | | | 140 | 72 | 68 | 140 | 72 | 68 | 140 | 72 | 68 |
| 4 | Đạo đức | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |
| 5 | TN&XH | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | | | | | | |
| 6 | GDCD | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 7 | Nghệ thuật (ÂN, MT) | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 8 | HĐTN | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 |

| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|-----------------------|------|-----|-----|------|-----|-----|------|-----|-----|------|-----|-----|------|-----|-----|
| 9 | Tin học và Công nghệ | | | | | | | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 10 | Lịch sử Địa Lí | | | | | | | | | | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 11 | Khoa học | | | | | | | | | | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 2. Môn học tự chọn | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 13 | Tiếng Anh (Tự chọn) | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | | | | | | | | | |
| 3. Hoạt động củng cố, tăng cường | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 14 | Tăng cường Tiếng Việt | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | | | | | | |
| 15 | Tăng cường Toán | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | | | | | | |
| 16 | GD kĩ năng số | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |
| 17 | Tiết đọc thư viện | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |
| Tổng | | 1120 | 576 | 544 | 1120 | 576 | 544 | 1120 | 576 | 544 | 1120 | 576 | 544 | 1120 | 576 | 544 |

2.1.3. Phân công giảng dạy

Phân công giáo viên phù hợp chuyên môn, năng lực sư phạm, đảm bảo đủ giáo viên cho tất cả các môn học.

Phân công giáo viên phụ trách Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và Nội dung giáo dục của địa phương đảm bảo có kỹ năng tổ chức hoạt động và kiến thức thực tiễn. Khuyến khích giáo viên giỏi chuyên môn, có tinh thần đổi mới, đảm nhiệm lớp đầu cấp, cuối cấp.

Đính kèm Phụ lục 2. Phân công giảng dạy năm học 2025-2026.

2.1.4. Tổ chức dạy học

Dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; tăng cường hoạt động nhóm, thực hành, trải nghiệm, ứng dụng thực tế.

Tổ chức dạy học phân hóa, chú trọng học sinh yếu và bồi dưỡng học sinh khá giỏi.

Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, sử dụng các phương tiện công nghệ hỗ trợ (máy chiếu, bài giảng điện tử, phần mềm học trực tuyến...).

Linh hoạt kết hợp giữa các hình thức tổ chức lớp học: theo lớp, theo nhóm, theo câu lạc bộ hoặc tổ hợp hoạt động.

Đối với các môn học tích hợp, giáo viên cần xây dựng kế hoạch bài dạy cụ thể, rõ ràng, đảm bảo tính liên kết nội dung.

+ Đính kèm Phụ lục 3: Tổ chức dạy học môn Khoa học tự nhiên theo Chương trình GDPT 2018.

+ Đính kèm Phụ lục 4: Tổ chức dạy học môn Lịch sử & Địa lí theo Chương trình GDPT 2018.

Thực hiện Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026, nhà trường đã triển khai dạy 2 buổi/ngày.

+ Đính kèm Phụ lục 5: Tổ chức dạy 2 buổi/ngày.

2.1.5 Nội dung giáo dục của địa phương

Xây dựng kế hoạch và nội dung GDĐP theo hướng phát huy giá trị văn hóa, lịch sử, truyền thống, kinh tế – xã hội của địa phương.

Tích hợp GDĐP trong các môn học hoặc tổ chức dưới dạng chuyên đề, trải nghiệm phù hợp.

Khuyến khích phối hợp với địa phương: mời nhân chứng, cán bộ địa phương tham gia hướng dẫn, tổ chức hoạt động cho học sinh.

Đính kèm Phụ lục 6 THCS: Tổ chức dạy học Nội dung giáo dục của địa phương theo Chương trình GDPT 2018.

2.16. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Phân công và tổ chức thực hiện:

+ Phân công giáo viên có kỹ năng tổ chức hoạt động, am hiểu tâm lý học sinh làm tổ trưởng hoặc phụ trách Hoạt động trải nghiệm – hướng nghiệp.

+ Kết hợp giáo viên chủ nhiệm, tổng phụ trách đội, giáo viên các bộ môn, nhân viên thư viện, y tế... cùng tham gia tổ chức.

Hình thức tổ chức linh hoạt:

+ Theo lớp, theo khối, theo nhóm sở thích, theo chuyên đề.

+ Thực hiện trong lớp học, sân trường, địa phương hoặc cơ sở ngoài nhà trường.

Cách thức thực hiện:

+ Xây dựng kế hoạch theo tháng, học kỳ, cả năm; xác định chủ đề, hình thức, người phụ trách.

+ Có sổ ghi chép, đánh giá sau mỗi hoạt động; khuyến khích học sinh phản hồi.

- Nội dung hoạt động:

+ Trải nghiệm lao động, kỹ năng sống, hoạt động vì cộng đồng.

+ Văn hóa, nghệ thuật, thể thao, truyền thống lịch sử, hướng nghiệp.

+ Hoạt động câu lạc bộ STEM, sáng tạo trẻ, an toàn giao thông...

- Thời lượng thực hiện:

+ Tối thiểu 105 tiết/năm (tương đương 3 tiết/tuần), linh hoạt giữa các tuần.

+ Có thể tích hợp với GDĐP, hoạt động ngoài giờ, giáo dục kỹ năng sống.

- Linh hoạt tổ chức theo quy mô:

+ Có thể tổ chức quy mô lớp, khối, toàn trường tùy nội dung;

+ Tuần có thể dành nhiều thời lượng hơn cho hoạt động tập trung, tuần khác giảm nhẹ để bù lại các hoạt động chính khóa.

- **Đính kèm Phụ lục 7:** Tổ chức dạy học Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp theo Chương trình GDPT 2018.

2.2. Thực hiện hiệu quả đổi mới phương pháp dạy học

- Xây dựng kế hoạch giáo dục và kế hoạch bài dạy:

+ Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục tổ theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, đảm bảo sự liên thông giữa các lớp học, môn học.

+ Giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) theo hướng mở, có tính linh hoạt, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và khả năng tự học của học sinh.

+ Lồng ghép nội dung giáo dục địa phương, giáo dục STEM, kỹ năng sống, định hướng nghề nghiệp vào bài giảng khi phù hợp.

- Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học:

+ Thực hiện sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn định kỳ 2 tuần/lần gắn với nội dung thực tiễn, có trọng tâm.

+ Mỗi tổ chuyên môn xây dựng ít nhất 2 chuyên đề dạy học/năm học, ưu tiên các chủ đề tích hợp, phân hóa, các nội dung khó, mới trong chương trình GDPT 2018.

+ Tổ chức sinh hoạt chuyên đề theo hướng nghiên cứu bài học: xây dựng - dạy minh họa - dự giờ - phân tích - rút kinh nghiệm - điều chỉnh kế hoạch dạy học.

- Tăng cường dự giờ, chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm:

+ Khuyến khích giáo viên dự giờ đồng nghiệp để học hỏi phương pháp, cách thức tổ chức dạy học hiệu quả.

+ Thực hiện phân tích bài học sau dự giờ nhằm phát hiện ưu điểm, khó khăn, cùng tìm ra giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên môn cấp tổ, cấp trường:

+ Mỗi tổ chuyên môn tổ chức ít nhất 01 hội thảo/chuyên đề cấp tổ, 01 chuyên đề cấp trường/năm học.

+ Nội dung tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng CNTT, đổi mới kiểm tra - đánh giá, xây dựng kế hoạch dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

+ Kết hợp với tổ chức đoàn thể tổ chức các hoạt động thi giáo viên dạy giỏi, thao giảng, hội thi sáng tạo đồ dùng dạy học, viết sáng kiến...

Phát huy vai trò đội ngũ giáo viên cốt cán, giáo viên có kinh nghiệm trong dẫn dắt chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ đồng nghiệp trong đổi mới phương pháp dạy học.

Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thiết kế bài giảng, tổ chức lớp học linh hoạt (trực tiếp - trực tuyến - hỗn hợp), sử dụng các nền tảng số, phần mềm hỗ trợ dạy học hiện đại.

2.3. Thực hiện hiệu quả kiểm tra, đánh giá học sinh

a) Đánh giá thường xuyên

Thực hiện đánh giá thường xuyên theo đúng quy định của Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT, tập trung vào quá trình học tập, rèn luyện của học sinh để kịp thời điều chỉnh phương pháp dạy học và hỗ trợ học sinh tiến bộ.

Các hình thức đánh giá thường xuyên:

- + Hỏi - đáp, viết ngắn, trắc nghiệm nhanh, kiểm tra miệng;
- + Quan sát hoạt động học tập, thái độ, kỹ năng làm việc nhóm;
- + Sản phẩm học tập: bài tập, vở học tập, dự án nhỏ, sản phẩm trải nghiệm, bài thuyết trình...
- + Giáo viên chủ động lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp với đặc điểm môn học, nội dung dạy học và đối tượng học sinh.
- + Tăng cường đánh giá bằng nhận xét, góp ý trực tiếp, tạo động lực cho học sinh tự điều chỉnh, phát triển bản thân.
- + Khuyến khích học sinh tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

b) Đánh giá định kì

Đối với kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ:

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra:
 - + PHT chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ từ đầu năm học; đảm bảo thời gian, số tiết kiểm tra phù hợp theo chương trình từng khối lớp.
 - + Kế hoạch kiểm tra được phê duyệt và thông báo đến giáo viên, học sinh trước khi thực hiện.
- **Ra đề kiểm tra:**
 - + Tổ chuyên môn tổ chức xây dựng ma trận đề kiểm tra và bảng đặc tả để đảm bảo độ phủ kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu cần đạt.
 - + Đề kiểm tra đảm bảo phân hóa trình độ học sinh, có cả nhận biết – thông hiểu - vận dụng.
 - + Đối với các môn tích hợp (KHTN, LS&ĐL), đề cần đảm bảo đúng yêu cầu tích hợp nội dung và hình thức.
- Tổ chức kiểm tra:
 - + Thực hiện kiểm tra đúng thời gian quy định, nghiêm túc, đúng quy chế.
 - + Đối với các môn có đặc thù (Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục), có thể linh hoạt hình thức kiểm tra đánh giá.
- Chấm bài và phân tích kết quả:
 - + Chấm bài nghiêm túc, có hướng dẫn chấm, thang điểm rõ ràng.
 - + Sau kiểm tra, tổ chuyên môn họp phân tích kết quả, rút kinh nghiệm trong dạy học và xây dựng đề.
 - + Đối với học tập chưa đạt, tổ chức phụ đạo, hỗ trợ sau khi có kết quả kiểm tra.
- Giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm tra, đánh giá:
 - + Tăng cường hướng dẫn giáo viên về kỹ thuật ra đề, kỹ năng xây dựng ma trận, bảng đặc tả đề kiểm tra.
 - + Ứng dụng CNTT trong ra đề, chấm bài, nhập điểm, quản lý kết quả học tập.
 - + Tổ chức rút kinh nghiệm sau mỗi đợt kiểm tra, điều chỉnh kế hoạch giảng dạy nếu cần thiết.
 - + Thực hiện đánh giá công bằng, minh bạch, khách quan, hạn chế bệnh thành tích.

2.4. Bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, ôn tập cho học sinh thi tốt nghiệp.

a) Bồi dưỡng học sinh giỏi

Nhà trường xây dựng kế hoạch phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu thông qua hoạt động học tập, kiểm tra định kỳ, các cuộc thi học thuật, phong trào trải nghiệm.

Thành lập các đội tuyển học sinh giỏi cấp trường theo từng môn, ưu tiên các môn văn hóa: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lí, Hóa học, Lịch sử, Địa lí...

Phân công giáo viên giỏi, có kinh nghiệm trực tiếp phụ trách đội tuyển; tổ chuyên môn biên soạn tài liệu, hệ thống đề nâng cao, chuyên đề ôn luyện.

Thời gian bồi dưỡng được sắp xếp hợp lý ngoài giờ học chính khóa: vào buổi chiều, ngày nghỉ (nếu cần), đảm bảo không gây áp lực học sinh.

Tổ chức kiểm tra, thi thử định kỳ, đánh giá năng lực và có kế hoạch điều chỉnh bồi dưỡng phù hợp từng giai đoạn.

Phối hợp với phụ huynh trong việc tạo điều kiện học tập, động viên tinh thần, hỗ trợ phương tiện học tập cho học sinh giỏi.

b) Phụ đạo học sinh chưa đạt

Tổ chức khảo sát, thống kê học sinh chưa đạt, hòng kiến thức ngay từ đầu học kỳ và giữa năm học để xây dựng kế hoạch phụ đạo sát thực tế.

Xây dựng kế hoạch phụ đạo theo từng môn học, đặc biệt là các môn: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.

Phân công giáo viên có chuyên môn vững, kiên nhẫn phụ trách phụ đạo từng nhóm học sinh chưa đạt, đảm bảo sát với năng lực và khả năng tiếp thu của các em.

Linh hoạt hình thức phụ đạo: học nhóm nhỏ, cá nhân hóa việc dạy học, giao nhiệm vụ về nhà có kiểm tra.

Theo dõi sát tiến độ học tập, có sổ theo dõi riêng, thường xuyên đánh giá mức độ tiến bộ của học sinh.

Kết hợp với phụ huynh trong giám sát, hỗ trợ học sinh học tập tại nhà.

c) Ôn tập cho học sinh thi tuyển sinh 10

Các nội dung cụ thể:

- Hình thức ôn tập:
- + Ôn tập theo từng chuyên đề, nhóm chủ đề.
- + Học sinh làm bài luyện tập, bài thi thử, chữa đề, hướng dẫn kỹ năng làm bài.
- + Kết hợp ôn lý thuyết, thực hành, phát triển kỹ năng làm bài.
- Thời gian ôn tập:
- + Bắt đầu từ tháng 3 hoặc ngay sau khi có hướng dẫn thi tuyển sinh 10;
- + Sắp xếp lịch ôn tập ngoài giờ học chính khóa (buổi 2, ngày nghỉ), không gây quá tải.
- + Giáo viên có năng lực sư phạm tốt, nhiều kinh nghiệm dạy lớp 9;
- Biên soạn nội dung ôn tập:
- + Giao tổ chuyên môn xây dựng hệ thống câu hỏi, tài liệu ôn tập theo từng chuyên đề bám sát theo hướng dẫn của Sở GD;
- + Phân loại đề theo mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng...).

- Kiểm tra, đánh giá chất lượng ôn tập:
 - + Tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ 2–3 đợt/tháng;
 - + Có phân tích kết quả để điều chỉnh nội dung và phương pháp ôn tập.
- Kiểm tra, giám sát của BGH và tổ trưởng chuyên môn:
 - + BGH, tổ trưởng thường xuyên kiểm tra chất lượng ôn tập;
 - + Theo dõi sĩ số, tinh thần học tập, tiến độ thực hiện kế hoạch;
 - + Họp đánh giá, điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết.

2.5. Tổ chức các kì thi, hội thi, cuộc thi

a) Đối với giáo viên

Tổ chức các hội thi chuyên môn nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp, tạo điều kiện cho giáo viên thể hiện năng lực và học hỏi lẫn nhau:

+ Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp xã/thành phố theo quy định của Bộ GD&ĐT.

+ Hội giảng chào mừng các ngày lễ lớn, thi thao giảng, báo cáo chuyên đề.

+ Cuộc thi sáng tạo đồ dùng dạy học, giáo án số, xây dựng học liệu số phục vụ chương trình GDPT 2018.

+ Khuyến khích giáo viên tham gia các cuộc thi cấp trên tổ chức

+ Giao cho tổ chuyên môn lập kế hoạch đăng ký, tham mưu phân công giáo viên tham gia dự thi phù hợp năng lực; có chế độ động viên, hỗ trợ, khen thưởng kịp thời.

b) Đối với học sinh

Tham gia các kỳ thi học sinh giỏi các cấp, cuộc thi khoa học – kỹ thuật, văn hóa – văn nghệ, thể dục thể thao...

Các cuộc thi tổ chức thường niên:

+ Học sinh giỏi các môn văn hóa cấp trường, cấp xã, cấp thành phố;

+ Cuộc thi “Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng”;

+ Hội khỏe Phù Đổng, các giải TDTT cấp trường, cụm;

+ Cuộc thi tìm hiểu pháp luật, an toàn giao thông, phòng chống ma túy, bạo lực học đường, bảo vệ môi trường, kỹ năng sống...

Phân công giáo viên phụ trách, tập huấn, hướng dẫn học sinh tham gia thi:

+ Mỗi cuộc thi đều có giáo viên chịu trách nhiệm hướng dẫn, ôn tập;

+ Có kế hoạch cụ thể từng cuộc thi theo thời điểm, đảm bảo không ảnh hưởng đến chương trình học chính khóa.

+ Khen thưởng kịp thời các cá nhân, tập thể đạt thành tích cao nhằm khuyến khích tinh thần nỗ lực và tạo động lực thi đua học tốt.

2.6. Tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả các thiết bị dạy học

Rà soát, kiểm kê toàn bộ thiết bị dạy học hiện có theo từng môn học, từng phòng bộ môn, thư viện, thiết bị dùng chung... nhằm xác định tình trạng sử dụng, hư hỏng, thiếu hụt để kịp thời bổ sung, sửa chữa.

Xây dựng kế hoạch sử dụng thiết bị dạy học hiệu quả, đồng bộ với kế hoạch dạy học:

+ Các tổ chuyên môn lập danh mục thiết bị, học liệu cần sử dụng theo từng bài dạy, chuyên đề;

+ Thư viện, phòng thiết bị chuẩn bị và cấp phát kịp thời, đúng nội dung, đúng thời điểm.

Phân công giáo viên phụ trách thiết bị bộ môn:

+ Mỗi tổ chuyên môn có giáo viên chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và bảo quản thiết bị liên quan đến môn học;

+ Giáo viên có trách nhiệm ghi chép đầy đủ việc mượn, trả, đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị.

Tăng cường sử dụng thiết bị, phương tiện hiện đại trong dạy học:

+ Khuyến khích giáo viên sử dụng máy chiếu, bảng tương tác, phần mềm mô phỏng, thiết bị thực hành, học liệu số... trong tổ chức hoạt động học;

+ Ứng dụng CNTT và chuyên đổi số trong việc xây dựng bài giảng, minh họa nội dung, tăng tính trực quan.

Tổ chức tập huấn, chia sẻ kỹ năng sử dụng thiết bị dạy học:

+ Định kỳ tổ chức các buổi bồi dưỡng, tập huấn cho giáo viên về cách sử dụng các thiết bị hiện đại;

+ Tổ chức chuyên đề trong tổ chuyên môn chia sẻ kinh nghiệm khai thác hiệu quả thiết bị, đồ dùng dạy học.

Khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học, học liệu số phục vụ đặc thù nội dung dạy học, nhất là ở các môn học thực hành, kỹ năng (Công nghệ, KHTN, Tin học...).

Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị:

+ Ban giám hiệu phối hợp với tổ trưởng chuyên môn kiểm tra việc sử dụng thiết bị qua dự giờ, kiểm tra hồ sơ;

+ Đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị là một tiêu chí trong đánh giá thi đua giáo viên.

Bảo quản và bảo dưỡng thiết bị định kỳ:

+ Có sổ sách theo dõi nhập - xuất thiết bị, hồ sơ bảo trì, sửa chữa;

+ Phân công cán bộ thiết bị phối hợp với giáo viên đảm bảo thiết bị hoạt động tốt, sẵn sàng phục vụ dạy học.

3. Tổ chức các hoạt động của đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường (Kèm theo phụ lục thời gian tổ chức)

- Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể như Chi bộ Đảng, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Ban đại diện cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội khác để tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong và ngoài lớp học.

* Chi bộ Đảng

+ Tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện đối với các hoạt động của nhà trường;

+ Chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị, các chủ trương đổi mới trong giáo dục;

+ Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên gương mẫu, trách nhiệm, đoàn kết;

+ Tổ chức sinh hoạt chuyên đề, học tập nghị quyết, kiểm điểm tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống định kỳ.

* Đoàn TNCS Hồ Chí Minh – Đội TNTP Hồ Chí Minh

+ Tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức, lý tưởng, truyền thống cho HS;

+ Tổ chức phong trào thi đua học tập, rèn luyện, thực hiện “5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng”;

+ Tham gia các hội thi: văn nghệ, thể thao, “Nét đẹp đội viên”, “Chỉ huy Đội giỏi”, vẽ tranh, báo tường,...

+ Phát triển kỹ năng sống, kỹ năng tổ chức hoạt động cho học sinh qua hoạt động câu lạc bộ, sinh hoạt chủ điểm, ngày hội thiếu nhi...

+ Tổ chức Hội trại nhân ngày thành lập Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 26/3/2026.

* Ban đại diện cha mẹ học sinh

+ Phối hợp tổ chức các hoạt động hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn;

+ Góp ý, tư vấn các hoạt động giáo dục, hỗ trợ CSVC, thiết bị dạy học, hoạt động trải nghiệm;

+ Tham gia các hội nghị, cuộc họp định kỳ và đột xuất nhằm thống nhất trong công tác phối hợp giáo dục học sinh.

Phụ lục: Dự kiến thời gian tổ chức các hoạt động của đoàn thể

| Thời gian | Hoạt động/Tổ chức |
|------------------|---|
| Tháng 9 | Lễ khai giảng; Đại hội Chi đoàn, Đại hội Liên đội; Hội nghị CMHS |
| Tháng 10 | Hoạt động chào mừng Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 |
| Tháng 11 | Thi đua dạy tốt – học tốt chào mừng ngày Nhà giáo VN 20/11 |
| Tháng 12 | Sinh hoạt kỷ niệm Ngày thành lập QĐND Việt Nam 22/12 (Đoàn – Đội) |
| Tháng 1 | Sơ kết học kỳ I; Hoạt động “Xuân yêu thương”, “Tết vì bạn nghèo” |
| Tháng 2 | Tổ chức thi “Rung chuông vàng”; Hoạt động ngày hội học sinh tiêu biểu |
| Tháng 3 | Hoạt động chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; 26/3 – ngày thành lập Đoàn |
| Tháng 4 | Kỷ niệm ngày Giải phóng miền Nam 30/4; Thi “Chỉ huy Đội giỏi” |
| Tháng 5 | Tổng kết năm học, tuyên dương khen thưởng học sinh – giáo viên |

4. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh

Nhà trường tổ chức các chương trình, hoạt động hỗ trợ thiết thực nhằm giúp học sinh học tập hiệu quả, rèn luyện đạo đức, kỹ năng sống và phát triển toàn diện theo định hướng của chương trình GDPT 2018.

4.1. Hoạt động hỗ trợ học tập

- Tổ chức lớp học phụ đạo, bồi dưỡng cho các đối tượng học sinh khác nhau:

+ Phụ đạo học sinh chưa đạt, học sinh có nguy cơ bỏ học;

+ Bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh thi các cấp;

+ Hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn qua hình thức dạy kèm, hướng dẫn học tại nhà.

- Câu lạc bộ học thuật:

+ Xây dựng các CLB theo môn học: Toán, Văn, Anh, KHTN, Tin học... giúp học sinh ôn tập, mở rộng kiến thức, học tập theo nhóm sở thích;

+ Tổ chức sinh hoạt CLB 1- 2 lần/tháng, có giáo viên phụ trách, tài liệu phù hợp năng lực học sinh.

- Tư vấn tâm lý - học đường:
- + Phối hợp với GVCN, đoàn - đội tổ chức các buổi tư vấn học tập, quản lý thời gian, định hướng nghề nghiệp;
- + Phân công cán bộ làm công tác tư vấn học đường, tiếp nhận - hỗ trợ học sinh gặp khó khăn về tâm lý.

4.2. Hoạt động hỗ trợ rèn luyện đạo đức, kỹ năng sống

Sinh hoạt chủ điểm theo tháng: Tổ chức chuyên đề giáo dục truyền thống, đạo đức, pháp luật, phòng chống bạo lực học đường, ma túy, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường...

Tổ chức các buổi ngoại khóa, nói chuyện chuyên đề với công an, cựu chiến binh, chuyên gia kỹ năng sống, y tế học đường...

Tích hợp giáo dục kỹ năng sống vào môn học và hoạt động trải nghiệm: Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, tự phục vụ, giải quyết vấn đề...

Chương trình “Rèn luyện đội viên”, “Sổ tay đạo đức học sinh” được triển khai xuyên suốt, đánh giá rèn luyện mỗi tháng.

4.3. Hoạt động sinh hoạt tập thể và trải nghiệm sáng tạo

- Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp theo chủ đề tháng:
- + Gắn kết với các ngày lễ lớn, sự kiện trong năm học
- + Tổ chức trải nghiệm gắn với địa phương: tham quan di tích, cơ sở sản xuất, làng nghề, phiên chợ quê, giao lưu văn nghệ - thể thao...
- Hoạt động thể thao – nghệ thuật – CLB kỹ năng:
- + CLB văn nghệ, thể thao, võ cổ truyền, cầu lông, bóng đá, bóng chuyền, aerobic học đường...
- + Tổ chức các giải thể thao cấp trường, hội diễn văn nghệ, thi hát Quốc ca, múa sân trường, vẽ tranh, báo tường...

Sinh hoạt lớp - chi đội - liên đội được tổ chức định kỳ, có nội dung rèn kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, giao tiếp và quản lý bản thân.

Đính kèm Phụ lục 7: Tổ chức dạy học Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp theo Chương trình GDPT 2018

4.4. Công tác giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật

Nâng cao nhận thức về việc thực hiện GDHN cho HSKT.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục cho HSKT; thu hút các nguồn hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân để phục vụ công tác GDHN.

Thực hiện tốt công tác điều tra số trẻ khuyết tật trên địa bàn, nhằm kịp thời tư vấn cho gia đình có biện pháp can thiệp sớm, đưa đến trường học hòa nhập.

Nội dung chương trình, hình thức kiểm tra đánh giá được điều chỉnh sao cho phù hợp với đối tượng học sinh (mức độ tật, dạng tật, khả năng, nhu cầu... của học sinh).

Xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch hoạt động GDHN phù hợp với các dạng tật, phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

5. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS

Tăng cường lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục hướng nghiệp trong các môn học, hoạt động trải nghiệm, nhất là trong hoạt động hướng nghiệp ở lớp 9 theo chương trình GDPT mới.

Xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp rõ ràng, phù hợp với đặc điểm vùng miền, đối tượng học sinh, trong đó:

- + Thực hiện các chuyên đề hướng nghiệp theo chương trình Hoạt động trải nghiệm – Hướng nghiệp;

- + Mỗi lớp 9 thực hiện ít nhất 4–6 chuyên đề hướng nghiệp/năm học;

- + Kết hợp giữa giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn.

Phối hợp với Trung tâm GDNN – GDTX, các trường trung cấp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp để tổ chức:

- + Hoạt động trải nghiệm thực tế tại cơ sở nghề nghiệp;

- + Giới thiệu ngành nghề đào tạo, điều kiện học tập, cơ hội việc làm;

- + Tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại trường hoặc thông qua hội thảo nghề nghiệp.

Tư vấn phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS:

- + Giao giáo viên chủ nhiệm lớp 9 tổ chức hoạt động tư vấn phân luồng cho học sinh và phụ huynh, giải thích rõ các lựa chọn sau THCS: vào lớp 10 THPT, học nghề, học chương trình GDTX – nghề, du học...

- + Cung cấp thông tin cập nhật về chỉ tiêu tuyển sinh, tỷ lệ trúng tuyển các trường THPT, trung cấp nghề trong khu vực.

- + Tuyên truyền hiệu quả thiết thực của việc học nghề sớm, rút ngắn thời gian ra nghề, giảm áp lực thi cử.

Thực hiện đánh giá, thống kê, rút kinh nghiệm hàng năm về kết quả phân luồng học sinh lớp 9:

- + Tỷ lệ học sinh vào lớp 10 THPT, vào các trường nghề, GDTX...;

- + Từ đó điều chỉnh nội dung, hình thức giáo dục hướng nghiệp cho phù hợp.

Tăng cường phối hợp với phụ huynh và chính quyền địa phương trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phân luồng sau THCS, giảm áp lực chạy theo THPT công lập bằng mọi giá.

Khuyến khích học sinh có năng khiếu, sở thích nghề nghiệp rõ ràng lựa chọn con đường học nghề sớm, đảm bảo phù hợp với năng lực và điều kiện gia đình.

6. Thực hiện giáo dục kỹ năng số, triển khai học bạ số

6.1. Giáo dục kỹ năng số cho học sinh

Lồng ghép giáo dục kỹ năng số, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) vào các môn học, đặc biệt là môn Tin học, Hoạt động trải nghiệm – hướng nghiệp, và các môn có nội dung tích hợp ứng dụng công nghệ.

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, câu lạc bộ, cuộc thi về công nghệ số như:

- + CLB Tin học, CLB STEM, CLB Robotics, thi thiết kế bài giảng, video ngắn;

- + Tổ chức “Ngày hội công nghệ số” với các hoạt động trải nghiệm thực tế: lập trình đơn giản, an toàn mạng, kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin trên Internet.

Trang bị cho học sinh kiến thức về an toàn thông tin số:

- + Tuyên truyền kỹ năng sử dụng mạng xã hội an toàn, bảo mật dữ liệu cá nhân;

+ Hướng dẫn học sinh tra cứu thông tin học tập chính thống, chống tin giả, lừa đảo qua mạng.

6.2. Triển khai học bạ số

Thực hiện nhập học bạ điện tử cho học sinh trên hệ thống phần mềm quản lý giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT.

Phân công cụ thể cán bộ, giáo viên phụ trách cập nhật và kiểm tra học bạ số:

+ GVCN cập nhật thông tin cá nhân, quá trình học tập, rèn luyện, kết quả học kỳ/năm học;

+ Giáo viên bộ môn nhập điểm thường xuyên, định kỳ đúng thời gian, chính xác.

Đảm bảo học bạ số được thực hiện song song, đồng bộ và dần thay thế học bạ giấy, tiến tới số hóa hoàn toàn hồ sơ học sinh.

Tổ chức tập huấn cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý về thao tác nhập liệu, kiểm tra dữ liệu, bảo mật và sử dụng hiệu quả hệ thống học bạ điện tử.

Kiểm tra, giám sát thường xuyên việc cập nhật học bạ số, đảm bảo đúng tiến độ, hạn chế sai sót dữ liệu.

Tăng cường phối hợp với phụ huynh học sinh, tạo điều kiện cho phụ huynh tra cứu kết quả học tập, rèn luyện của con em thông qua tài khoản cá nhân hoặc cổng thông tin điện tử của nhà trường.

7. Công tác tư vấn cho học sinh

Công tác tư vấn cho học sinh là một bộ phận quan trọng trong quá trình giáo dục toàn diện, giúp học sinh phát triển hài hòa về trí tuệ, đạo đức, tâm lý, kỹ năng sống và định hướng nghề nghiệp đúng đắn. Nhà trường triển khai các hoạt động tư vấn học đường theo các nội dung sau:

7.1. Tư vấn tâm lý học đường

- Thực hiện theo định hướng vị trí việc làm "Nhân viên tư vấn học đường" được quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT:

+ Trường bố trí cán bộ chuyên trách (hoặc kiêm nhiệm) làm công tác tư vấn tâm lý học sinh;

+ Nhân viên tư vấn học đường có nhiệm vụ hỗ trợ học sinh về các vấn đề tâm lý, quan hệ bạn bè, gia đình, thầy cô, giải quyết xung đột, khủng hoảng tâm lý.

- Thiết lập kênh tiếp nhận thông tin tư vấn:

+ Góc tư vấn học đường tại phòng Đoàn – Đội, phòng tư vấn riêng (nếu có điều kiện);

+ Hòm thư góp ý – chia sẻ; hotline/Zalo hỗ trợ;

+ Tiếp nhận và giải quyết các trường hợp học sinh gặp khó khăn tâm lý, bị bạo lực học đường, xâm hại...

- Tổ chức các chuyên đề, tọa đàm tư vấn tâm lý theo từng chủ đề:

+ Kỹ năng kiểm soát cảm xúc, vượt qua áp lực học tập;

+ Tự tin giao tiếp, ứng xử văn minh trong môi trường học đường;

+ Phòng chống bắt nạt học đường, lạm dụng mạng xã hội...

7.2. Tư vấn học tập và rèn luyện

Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, Đoàn – Đội tổ chức tư vấn kỹ năng học tập hiệu quả, quản lý thời gian, phương pháp ôn tập, lập kế hoạch học tập cá nhân.

Tổ chức phân tích học bạ, kết quả học tập và rèn luyện từng học kỳ để học sinh tự nhìn nhận và điều chỉnh.

7.3. Tư vấn hướng nghiệp và phân luồng

- Thực hiện tư vấn hướng nghiệp thường xuyên, đặc biệt với học sinh lớp 9:
+ Giới thiệu các ngành nghề, mô hình học nghề – học văn hóa;
+ Tổ chức ngày hội tư vấn hướng nghiệp, mời trường nghề, GDTX đến giới thiệu.

+ Tư vấn cho học sinh lựa chọn lộ trình sau THCS:

+ Vào lớp 10 THPT, GDTX, trung cấp nghề;

+ Học nghề sớm hoặc học kết hợp song song văn hóa - nghề.

Tư vấn kỹ năng sống – phòng tránh rủi ro

Tổ chức các chuyên đề giáo dục kỹ năng sống, phòng chống tai nạn thương tích, xâm hại tình dục, ma túy học đường, tệ nạn xã hội.

Tổ chức các buổi giao lưu, trò chuyện chuyên đề với chuyên gia, công an, y tế, cựu học sinh...

7.5. Phối hợp với phụ huynh và tổ chức ngoài nhà trường

Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh học sinh trong công tác tư vấn, hỗ trợ tâm lý học sinh;

Kết nối với tổ chức xã hội, trung tâm tư vấn, y tế học đường, công an địa phương trong triển khai các hoạt động tư vấn chuyên sâu.

8. Công tác GDQP-AN

Công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh là nội dung quan trọng trong giáo dục toàn diện, nhằm bồi dưỡng cho học sinh lòng yêu nước, ý thức trách nhiệm công dân, hiểu biết cơ bản về quốc phòng - an ninh, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc.

Nhà trường triển khai thực hiện Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường Tiểu học, trường Trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học. Chỉ đạo các tổ chuyên môn, giáo viên bộ môn xây dựng kế hoạch giáo dục môn học, kế hoạch bài dạy lồng ghép nội dung GDQPAN linh hoạt, phù hợp và đúng qui định.

Có kế hoạch rà soát danh mục thiết bị hiện có và triển khai bổ sung thêm thiết bị đảm bảo dạy học lồng ghép nội dung GDQPAN theo Thông tư số 19/2022/TT-BGDĐT ngày 22/12/2022 của Bộ trưởng BGDĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học GDQPAN trong các trường Tiểu học, Trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý và giáo viên giảng dạy lồng ghép GDQPAN trong các môn học có liên quan đặc biệt là môn: Lịch sử và Địa lí, GDCD, Ngữ văn, Mĩ thuật.

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động Đoàn - Đội, trải nghiệm, tham quan, Cuộc thi,... lồng ghép nội dung GDQPAN.

Tiến hành công tác kiểm tra việc thực hiện dạy học lồng ghép GDQPAN theo Kế hoạch đã đề ra.

8.1. Mục tiêu giáo dục

- Nâng cao nhận thức cho học sinh về:

+ Chủ quyền lãnh thổ, biển đảo;

- + Truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc;
- + Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc trong thời bình.
- Bồi dưỡng phẩm chất yêu nước, trung thực, kỷ luật, trách nhiệm, tinh thần đoàn kết, bản lĩnh chính trị.

8.2. Nội dung và hình thức thực hiện

Lồng ghép nội dung GDQP-AN vào các môn học và hoạt động giáo dục, đặc biệt là: Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, Hoạt động trải nghiệm – hướng nghiệp.

Tổ chức chuyên đề, ngoại khóa, sinh hoạt chủ điểm về quốc phòng - an ninh:

+ Tuyên truyền về truyền thống Quân đội Nhân dân Việt Nam, Công an Nhân dân;

+ Tổ chức các buổi nói chuyện với cựu chiến binh, cán bộ quân đội, công an;

+ Sinh hoạt chủ điểm các ngày: 22/12, 30/4, 27/7, 2/9...

Tham quan thực tế, trải nghiệm môi trường quân đội (nếu có điều kiện):

+ Tổ chức cho học sinh thăm đơn vị bộ đội, công an;

+ Tổ chức hoạt động “Học làm chiến sĩ”, giao lưu với lực lượng vũ trang địa phương.

Tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật, biển đảo, biên giới, lịch sử dân tộc, gắn với GDQP-AN.

Tăng cường phối hợp với Ban Chỉ huy quân sự, Công an xã để triển khai các nội dung giáo dục:

+ Truyền thông về phòng chống bạo lực học đường, tệ nạn xã hội, an toàn giao thông;

+ Tập huấn kỹ năng ứng phó tình huống khẩn cấp (cháy nổ, thiên tai, xâm nhập...).

8.3. Kiểm tra, đánh giá

Lồng ghép nội dung GDQP-AN trong kiểm tra định kỳ các môn có liên quan;

Đánh giá thông qua hoạt động trải nghiệm, sản phẩm học tập, bài thu hoạch chuyên đề;

Có hình thức tuyên dương, khen thưởng học sinh tích cực tham gia hoạt động quốc phòng - an ninh.

9. Xây dựng trường học hạnh phúc

Việc xây dựng "Trường học hạnh phúc" là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường, nhằm tạo dựng môi trường học tập tích cực, an toàn, thân thiện, giúp mỗi học sinh đều được yêu thương, tôn trọng, phát triển toàn diện; mỗi thầy cô giáo đều hạnh phúc trong sự nghiệp trồng người.

9.1. Mục tiêu

Tạo môi trường học đường tích cực, an toàn, thân thiện, nơi học sinh được:

+ Học tập vui vẻ - không áp lực;

+ Được yêu thương, tôn trọng, lắng nghe;

+ Phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần, trí tuệ, đạo đức và kỹ năng sống.

Xây dựng văn hóa ứng xử chuẩn mực giữa giáo viên – học sinh – phụ huynh – cộng đồng;

Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và gắn kết giữa nhà trường với xã hội.

9.2. Nội dung và giải pháp thực hiện

a) Xây dựng môi trường thân thiện, an toàn

Đảm bảo trường lớp xanh - sạch - đẹp - an toàn về cơ sở vật chất;

Không có bạo lực học đường, không kỳ thị, phân biệt;

Lắp đặt camera giám sát, biển báo an toàn, xây dựng khu vui chơi, góc thư giãn, sân chơi lành mạnh.

b) Tạo dựng mối quan hệ tích cực giữa thầy cô - học sinh - phụ huynh

Giáo viên có thái độ gần gũi, thân thiện, tôn trọng và thấu hiểu học sinh;

Thực hiện dạy học không áp lực, khuyến khích học sinh chia sẻ, nêu ý kiến;

Phối hợp hiệu quả với phụ huynh trong giáo dục đạo đức, kỹ năng sống và học tập;

Tổ chức các hoạt động “Thầy trò cùng làm”, “Bữa cơm thân thiện”, “Lắng nghe học sinh nói”...

c) Chăm lo đời sống tinh thần cho giáo viên – nhân viên

Tạo điều kiện cho giáo viên phát triển nghề nghiệp, được tôn vinh, động viên kịp thời;

Chăm lo chính sách, hỗ trợ giáo viên gặp khó khăn;

Tổ chức các hoạt động gắn kết nội bộ: thể thao, sinh hoạt tổ, kỷ niệm ngày lễ.

d) Phát huy vai trò của học sinh trong xây dựng trường học hạnh phúc

Khuyến khích học sinh tham gia xây dựng nội quy lớp học tích cực;

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động xã hội, công tác đội;

Hướng dẫn học sinh ghi nhật ký “Điều em thấy hạnh phúc”, “Mỗi ngày một việc tốt”.

9.3. Đánh giá và lan tỏa mô hình

Thực hiện tự đánh giá định kỳ theo các tiêu chí “Trường học hạnh phúc” của Bộ GD&ĐT (3 tiêu chí cốt lõi: yêu thương – an toàn – tôn trọng);

Tổ chức sơ kết – tổng kết, chia sẻ điển hình hay trong trường;

- Phối hợp các phương tiện truyền thông, mạng xã hội lan tỏa hình ảnh tích cực về nhà trường.

10. Công tác Phổ cập giáo dục và XMC

Phổ cập giáo dục và Xóa mù chữ là nhiệm vụ trọng tâm, góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực và bảo đảm quyền học tập của mọi công dân.

Nhà trường thực hiện công tác phổ cập giáo dục, XMC theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và UBND địa phương, với các nội dung trọng tâm như sau:

10.1. Mục tiêu

Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục THCS mức độ 2, TH mức độ 3, XMC mức độ 2 theo tiêu chí hiện hành;

Không để xảy ra tình trạng học sinh bỏ học, không tiếp tục học sau khi hoàn thành cấp tiểu học;

Đảm bảo 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 1, 6 và tiếp tục học hết lớp 5,9;

Tăng tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học THPT, GDTX hoặc học nghề.

10.2. Nội dung và giải pháp thực hiện

a) Điều tra, cập nhật số liệu phổ cập – xóa mù chữ (PCGD–XMC)

Phối hợp chính quyền địa phương, các trường trên địa bàn tổ chức điều tra, rà soát cập nhật hồ sơ phổ cập đầu năm học:

- + Trẻ 6–15 tuổi đang trong độ tuổi TH và THCS;
- + Trẻ hoàn thành chương trình tiểu học nhưng chưa vào lớp 6;
- + Học sinh bỏ học, có nguy cơ bỏ học, học sinh lưu ban.
- + Nhập dữ liệu đầy đủ, chính xác vào hệ thống pcgd.vn đúng thời gian quy định.

b) Duy trì sĩ số, hạn chế học sinh bỏ học

Giao trách nhiệm cho GVCN, tổng phụ trách Đội theo dõi học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học lực yếu;

Tăng cường phối hợp với cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương để vận động học sinh ra lớp đúng độ tuổi, không bỏ học giữa chừng;

Tổ chức các lớp phụ đạo, hỗ trợ học tập cho học sinh yếu kém.

c) Bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ thực hiện công tác PCGD

Cử giáo viên tham gia các lớp tập huấn về quy trình phổ cập, sử dụng phần mềm quản lý, kỹ năng xử lý số liệu, lập báo cáo;

Phân công rõ người phụ trách phổ cập theo khối/lớp/xã để quản lý sát thực.

d) Tham mưu, huy động nguồn lực thực hiện công tác phổ cập

Phối hợp với UBND xã, hội khuyến học, ban đại diện cha mẹ học sinh để hỗ trợ học sinh khó khăn;

Huy động sách giáo khoa cũ, đồ dùng học tập, học bổng để động viên học sinh tiếp tục đến trường.

e) Tổng kết, đánh giá kết quả PCGD hằng năm

Tổ chức rà soát, đối chiếu số liệu thực tế và phần mềm PCGD vào cuối năm học;

Lập hồ sơ phổ cập giáo dục THCS và báo cáo kết quả về xã đúng thời gian quy định.

11. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm theo quy định

Thực hiện Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định dạy thêm, học thêm, nhà trường đã triển khai các biện pháp quản lý cụ thể như sau:

a) Công tác tuyên truyền, phổ biến

Nhà trường tổ chức quán triệt nội dung Thông tư 29/2024 đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong các cuộc họp hội đồng, tổ chuyên môn.

Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh tuyên truyền đến phụ huynh và học sinh, đặc biệt là các nội dung mới, như: đối tượng học thêm, nguyên tắc tổ chức dạy thêm, quy định về mức thu, việc công khai thông tin...

b) Quản lý việc tổ chức dạy thêm, học thêm

Nhà trường không tổ chức dạy thêm trong cơ sở giáo dục, trừ các lớp phụ đạo miễn phí dành cho học sinh chưa đạt, học sinh cần bồi dưỡng theo đúng quy định.

Giáo viên có nhu cầu dạy thêm ngoài nhà trường phải thực hiện thủ tục đăng ký, cam kết với nhà trường và chịu sự quản lý, giám sát theo đúng quy định tại Thông tư.

Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng ép buộc học sinh học thêm, hoặc dạy thêm học sinh đang học chính khóa của mình.

12. Công tác kiểm tra nội bộ

a) Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ đầu năm học, trình Hiệu trưởng phê duyệt, trong đó xác định rõ:

- + Nội dung kiểm tra;
- + Thời gian kiểm tra;
- + Đối tượng kiểm tra;
- + Thành phần tổ kiểm tra;
- + Hình thức kiểm tra (toàn diện, chuyên đề, đột xuất...).

Kế hoạch được phổ biến công khai đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong hội đồng sư phạm.

b) Nội dung kiểm tra

Kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn:

- + Soạn giảng, hồ sơ, Kế hoạch bài dạy;
- + Hoạt động dự giờ, đánh giá tiết dạy;
- + Thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học;
- + Việc chấm, trả bài, đánh giá học sinh theo Thông tư 22.

Kiểm tra hoạt động tổ chuyên môn:

- + Sinh hoạt tổ đúng quy định, theo hướng nghiên cứu bài học;
- + Xây dựng, thực hiện chuyên đề, dự giờ, chia sẻ kinh nghiệm.

Kiểm tra công tác chủ nhiệm lớp, nề nếp học sinh, hồ sơ lớp.

Kiểm tra đột xuất: Thực hiện theo chỉ đạo đột xuất của Hiệu trưởng hoặc khi có dấu hiệu vi phạm quy chế.

c) Tổ chức thực hiện kiểm tra

Thành lập Tổ kiểm tra nội bộ do Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng phụ trách;

Mỗi đợt kiểm tra đều có quyết định thành lập tổ kiểm tra, phân công nhiệm vụ rõ ràng;

Thực hiện kiểm tra đúng quy trình: lập kế hoạch – kiểm tra – báo cáo – rút kinh nghiệm;

Có biên bản làm việc, nhận xét đánh giá rõ ràng, thông báo kết quả kiểm tra đến cá nhân/tổ được kiểm tra.

d) Xử lý và theo dõi sau kiểm tra

Thông báo kết quả kiểm tra, góp ý chuyên môn, đề xuất các biện pháp khắc phục hạn chế (nếu có);

Theo dõi việc khắc phục tồn tại sau kiểm tra;

Sử dụng kết quả kiểm tra làm căn cứ đánh giá thi đua, xếp loại giáo viên, xét đề nghị khen thưởng hoặc xử lý vi phạm (nếu có).

Đính kèm Phụ lục 8. Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ năm học 2025-2026.

13. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

13.1. Mục tiêu

Rà soát, cập nhật và triển khai thực hiện các nội dung sửa đổi, bổ sung về tiêu chuẩn, tiêu chí, quy trình kiểm định và công nhận trường chuẩn quốc gia theo Thông tư 22/2024;

Duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục theo chu kỳ kiểm định; phấn đấu được đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

13.2. Nội dung và giải pháp thực hiện

a) Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, trường đạt chuẩn quốc gia

Thành lập Hội đồng tự đánh giá, phân công nhóm chuyên trách theo các 5 tiêu chuẩn, 25 tiêu chí (đã được sửa đổi/bổ sung);

Thu thập, phân tích minh chứng theo mẫu hồ sơ mới, viết báo cáo tự đánh giá theo định dạng quy định trong Thông tư 22/2024;

Tổ chức họp Hội đồng thông qua báo cáo, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

Hoàn thiện hồ sơ đề nghị đánh giá ngoài theo quy trình mới, đảm bảo minh bạch, khoa học và đúng tiến độ.

b) Tổ chức thực hiện theo đúng quy trình cập nhật

Cập nhật thay đổi về cách phân loại mức đánh giá (1, 2, 3) và mức công nhận trường chuẩn theo hướng dẫn mới;

Tăng cường tập huấn cho cán bộ, giáo viên phụ trách công tác kiểm định và trường chuẩn, nhằm nắm chắc quy trình sửa đổi;

Chuẩn bị kỹ hồ sơ minh chứng, bản báo cáo và hệ thống lưu trữ chứng từ phục vụ đánh giá ngoài.

13.3. Tổ chức thực hiện

Hiệu trưởng chỉ đạo toàn diện, phân công rõ nhiệm vụ cho từng bộ phận;

Các tổ chuyên môn, kế toán, thiết bị, văn thư... phối hợp cập nhật số liệu, lập hồ sơ minh chứng;

Ban đại diện CMHS, đoàn thể, chính quyền địa phương cùng phối hợp trong cải tạo CSVC và công tác truyền thông;

Thường xuyên cập nhật hướng dẫn của Bộ và Sở GD&ĐT về thực hiện Thông tư 22/2024.

14. Công tác phối hợp trong giáo dục

Nhà trường xác định công tác phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường là yếu tố quan trọng để nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho học sinh. Việc phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường – gia đình – xã hội sẽ tạo thành một hệ thống giáo dục thống nhất, hỗ trợ nhau trong việc hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

a) Phối hợp với cha mẹ học sinh

Tổ chức họp phụ huynh định kỳ, đột xuất để trao đổi thông tin học tập, rèn luyện của học sinh;

Ký cam kết phối hợp quản lý, giáo dục học sinh về đạo đức, kỹ năng sống, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội;

Huy động sự tham gia của phụ huynh trong các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, lao động, vệ sinh môi trường...

b) Phối hợp với chính quyền địa phương

Thực hiện công tác phổ cập giáo dục, huy động học sinh ra lớp, giảm thiểu học sinh bỏ học;

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về pháp luật, an ninh học đường, phòng chống ma túy, an toàn giao thông...;

Hỗ trợ nhà trường trong công tác y tế học đường, phòng chống dịch bệnh.

c) Phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong trường

Phối hợp giữa Chi bộ, Ban Giám hiệu, Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên Tiền phong... trong giáo dục đạo đức, lý tưởng, kỹ năng cho học sinh;

Tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục kỹ năng sống, hoạt động xã hội.

d) Phối hợp với các đơn vị, tổ chức ngoài nhà trường

Kết nối với trung tâm y tế, công an, đoàn thanh niên địa phương, các tổ chức xã hội trong công tác tuyên truyền, chăm sóc sức khỏe, phòng chống tai nạn thương tích, xâm hại trẻ em...;

Phối hợp với doanh nghiệp, trung tâm hướng nghiệp, cựu học sinh... tổ chức hoạt động tư vấn hướng nghiệp, trải nghiệm nghề nghiệp cho học sinh cuối cấp.

15. Thực hiện công tác đổi mới quản lý giáo dục

15.1. Mục tiêu

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà trường trong bối cảnh đổi mới chương trình GDPT 2018;

Phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý các hoạt động giáo dục;

Đổi mới công tác điều hành, quản trị theo hướng hiện đại, minh bạch, công khai, có sự tham gia của các lực lượng trong và ngoài nhà trường;

Góp phần nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục toàn diện học sinh, xây dựng nhà trường phát triển bền vững.

15.2. Nội dung và giải pháp thực hiện

a) Đổi mới công tác quản trị nhà trường

Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển của địa phương;

Thực hiện quản lý theo hướng phát huy tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động, sử dụng nhân lực và tài chính;

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành: quản lý hồ sơ, kế hoạch, tài liệu chuyên môn, sổ điểm, học bạ điện tử...

b) Đổi mới công tác chỉ đạo chuyên môn

Tăng cường phân quyền cho các tổ chuyên môn, tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học;

Khuyến khích giáo viên đổi mới phương pháp, ứng dụng công nghệ, xây dựng kế hoạch bài dạy linh hoạt;

Tổ chức hội thảo, hội nghị chuyên đề để chia sẻ, lan tỏa kinh nghiệm hay trong giảng dạy, kiểm tra đánh giá.

c) Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá nội bộ

Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ hằng năm trên các lĩnh vực: chuyên môn;

Tổ chức kiểm tra theo hình thức linh hoạt, có trọng tâm, trọng điểm; gắn kiểm tra với tư vấn, hỗ trợ nâng cao năng lực;

Tăng cường công tác tự đánh giá, tự kiểm tra tại các tổ chuyên môn, bộ phận.

d) Thực hiện dân chủ trong quản lý

Công khai các nội dung theo Thông tư 11/2020/TT-BGDĐT về thực hiện quy chế dân chủ trong trường học;

Đảm bảo các quyết định quan trọng liên quan đến quyền lợi của giáo viên, học sinh đều có sự tham gia góp ý;

e) Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý

Sử dụng phần mềm quản lý trường học, học bạ điện tử, kế hoạch giáo dục số hóa;

Triển khai đồng bộ hệ thống hồ sơ quản lý theo chuẩn ISO, thực hiện chữ ký số trong văn bản hành chính và hồ sơ chuyên môn;

Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên.

h) Thực hiện đánh giá cán bộ, giáo viên công khai, minh bạch

Thực hiện đánh giá thường xuyên, định kỳ cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp, gắn với kết quả công việc;

Kết hợp nhiều kênh: tự đánh giá, đánh giá đồng nghiệp, đánh giá của tổ chuyên môn và Ban giám hiệu;

Công khai kết quả đánh giá, khen thưởng – kỷ luật, thi đua – xếp loại công bằng, khách quan.

15.3. Tổ chức thực hiện

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm chung trong việc chỉ đạo và triển khai công tác đổi mới quản lý giáo dục;

Phó Hiệu trưởng tham mưu, xây dựng kế hoạch triển khai theo từng lĩnh vực được phân công phụ trách;

Tổ trưởng chuyên môn và các bộ phận liên quan thực hiện theo kế hoạch, có đánh giá định kỳ kết quả thực hiện;

Thực hiện sơ kết, tổng kết việc đổi mới quản lý trong các cuộc họp HĐSP, hội nghị cán bộ - viên chức.

*** Kèm theo kế hoạch là các phụ lục đính kèm như sau:**

Phụ lục 1: Tổ chức các hoạt động giáo dục nhà trường.

Phụ lục 2: Phân công giảng dạy năm học 2025-2026.

Phụ lục 3: Tổ chức dạy học môn Khoa học tự nhiên theo Chương trình GDPT 2018.

Phụ lục 4: Tổ chức dạy học môn Lịch sử & Địa lí theo Chương trình GDPT 2018.

Phụ lục 5: Tổ chức dạy 2 buổi/ngày.

Phụ lục 6: Tổ chức dạy học Nội dung giáo dục của địa phương theo Chương trình GDPT 2018.

Phụ lục 7. Tổ chức dạy học Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp theo Chương trình GDPT 2018.

Phụ lục 8. Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ năm học 2025-2026.

Phụ lục 9. Xây dựng kế hoạch công tác giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2025-2026.

Các phụ lục đối với cấp Tiểu học đính kèm

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm các tổ chức, cá nhân

1.1. Đối với Hiệu trưởng

Chịu trách nhiệm toàn diện về việc tổ chức, triển khai và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

Xây dựng kế hoạch giáo dục tổng thể, phê duyệt kế hoạch giáo dục của các tổ chuyên môn;

Chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, quản lý tài chính, cơ sở vật chất, nhân sự, và các hoạt động giáo dục khác;

Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, giáo viên, nhân viên;

Phối hợp với địa phương, cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội trong công - Tiến hành rà soát, đánh giá, quy hoạch, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đảm bảo chuẩn nghề nghiệp và đạo đức nhà giáo. Tạo điều kiện để giáo viên tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, tư tưởng chính trị.

Tiếp tục tham mưu các cấp đầu tư xây dựng, sửa chữa CSVC, mua sắm trang thiết bị, hoàn thành tốt các điều kiện để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Bộ GDĐT đến CB, GV, NV, cha mẹ học sinh và toàn thể xã hội về đổi mới và phát triển giáo dục.

1.2. Đối với Phó Hiệu trưởng

Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn, hàng tháng họp thống nhất các nội dung chuyên môn với các tổ.

Duyệt các kế hoạch hoạt động, các Hội thảo, chuyên đề của tổ chuyên môn tổ chức trong năm học.

Tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong chỉ đạo các lĩnh vực chuyên môn, hoạt động giáo dục và hành chính;

Trực tiếp phụ trách một số tổ chuyên môn, kiểm định chất lượng giáo dục, kiểm tra nội bộ...;

Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch giáo dục, xây dựng thời khóa biểu, phân công chuyên môn;

Thay mặt Hiệu trưởng điều hành hoạt động của trường khi được ủy quyền.

1.3. Đối với đoàn thể và các tổ chức khác

Chi đoàn – Liên đội: Phối hợp tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, truyền thống, văn hóa, văn nghệ, thể thao;

Ban đại diện cha mẹ học sinh: Phối hợp trong quản lý học sinh, hỗ trợ cơ sở vật chất, tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện.

1.4. Đối với tổ chuyên môn

Xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động chung của tổ, kế hoạch môn học, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường; tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên của tổ theo quy định của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên và các quy định khác hiện hành.

Xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục tổ chuyên môn, kế hoạch sinh hoạt tổ chuyên môn theo định hướng phát triển năng lực học sinh;

Thực hiện việc phân công giảng dạy, kiểm tra nội bộ chuyên môn, hỗ trợ giáo viên xây dựng kế hoạch bài dạy;

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn thường kỳ, nghiên cứu bài học, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên trong tổ;

Tổng hợp kết quả chuyên môn, đề xuất khen thưởng hoặc kiến nghị về chuyên môn với Ban Giám hiệu.

1.5. Đối với tổng phụ trách đội

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động Đội, hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo;

Phối hợp với GVCN, các tổ chức đoàn thể tổ chức các phong trào thi đua, hoạt động rèn luyện kỹ năng, giáo dục đạo đức cho học sinh;

Quản lý sổ sách công tác Đội và báo cáo định kỳ theo quy định.

Chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

1.6. Đối với giáo viên

Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm về kế hoạch giáo dục; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn (nội dung, phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá học sinh) và chất lượng, hiệu quả giáo dục từng học sinh của lớp mình phụ trách, bảo đảm quy định của chương trình giáo dục, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường.

Thực hiện kế hoạch giảng dạy, giáo dục theo phân công chuyên môn đảm bảo nội dung, chương trình và thời lượng;

Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân, kế hoạch bài dạy, đổi mới phương pháp dạy học, đánh giá theo quy định;

Tham gia sinh hoạt chuyên môn, hội họp, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn đầy đủ;

GVCN phối hợp chặt chẽ với gia đình trong việc quản lý học sinh, giáo dục đạo đức, kỹ năng, phòng chống vi phạm nội quy;

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Lãnh đạo nhà trường.

Xây dựng mối quan hệ thân thiện, dân chủ giữa giáo viên với học sinh, với cha mẹ học sinh và cộng đồng; giúp học sinh chủ động, sáng tạo, tự tin, tự chủ trong học tập và rèn luyện.

Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; ứng xử văn hóa, đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; gương mẫu trước học sinh; thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của học sinh.

Tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên giáo viên theo quy định; trao đổi chia sẻ chuyên môn cùng đồng nghiệp trong và ngoài nhà trường thông qua các đợt sinh hoạt chuyên môn, tập huấn.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, học tập và sinh hoạt chuyên môn; sáng tạo, linh hoạt trong việc tự làm đồ dùng dạy học.

Tham gia lựa chọn sách giáo khoa theo quy định; đề nghị nhà trường trang bị các xuất bản phẩm tham khảo, thiết bị dạy học theo quy định, phù hợp để sử dụng trong quá trình dạy học.

Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh, cộng đồng và các tổ chức xã hội liên quan để thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

1.7. Đối với giáo viên chủ nhiệm

- Giáo viên làm công tác chủ nhiệm, ngoài các nhiệm vụ quy định đối với giáo viên bộ môn còn có các nhiệm vụ sau:

- Chủ động nắm bắt thông tin từng học sinh của lớp được phân công làm công tác chủ nhiệm; xây dựng các hoạt động giáo dục của lớp thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, với hoàn cảnh và điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp và của từng học sinh.

- Thực hiện các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng và được hiệu trưởng phê duyệt.

- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ, giáo viên, tổng phụ trách Đội, các tổ chức xã hội có liên quan để tổ chức các hoạt động giáo dục và hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh lớp mình chủ nhiệm; tổng hợp nhận xét, đánh giá học sinh cuối kỳ I và cuối năm học; hướng dẫn học sinh bình bầu và đề nghị khen thưởng; lập danh sách học sinh đề nghị ở lại lớp; hoàn chỉnh việc ghi học bạ cho học sinh.

- Báo cáo thường kì hoặc đột xuất về tình hình của lớp với hiệu trưởng.

1.8. Đối với nhân viên

Thực hiện nhiệm vụ được giao theo đúng chức trách, quy định của từng vị trí công việc (kế toán, y tế, thư viện, thiết bị, bảo vệ...);

Phối hợp với giáo viên, Lãnh đạo nhà trường trong việc bảo đảm điều kiện CSVC, an ninh, an toàn, y tế học đường phục vụ tốt cho hoạt động dạy học;

Chấp hành nội quy, quy chế làm việc; tham gia đầy đủ các buổi họp, sinh hoạt và hoạt động chung của nhà trường.

2. Công tác phối hợp các bên liên quan

2.1. Mục tiêu

Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa nhà trường – gia đình – chính quyền địa phương – các tổ chức đoàn thể và cộng đồng trong công tác GD;

Huy động tối đa các nguồn lực xã hội trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hạnh phúc;

Đảm bảo công tác phổ cập giáo dục, phòng chống bỏ học, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, hướng nghiệp và hỗ trợ học sinh yếu thế được triển khai hiệu quả, có chiều sâu.

2.2. Nội dung phối hợp

a) Phối hợp với chính quyền địa phương

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động học sinh ra lớp, phòng chống bỏ học, thực hiện phổ cập giáo dục THCS;

Phối hợp đảm bảo an ninh trật tự trường học, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống ma túy, bạo lực học đường;

Hỗ trợ về y tế học đường, phòng chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh.

b) Phối hợp với phụ huynh học sinh

Thường xuyên tổ chức họp phụ huynh, trao đổi thông tin hai chiều về học tập, rèn luyện, đạo đức của học sinh;

Phối hợp giáo dục học sinh tại nhà, quản lý việc sử dụng thiết bị công nghệ, mạng xã hội, thời gian sinh hoạt;

Vận động phụ huynh cùng tham gia các hoạt động của trường, hỗ trợ công tác xã hội hóa giáo dục.

c) Phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường

Phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên, Ban Đại diện CMHS trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục truyền thống, văn hóa, thể thao, phòng chống tai nạn thương tích;

Định hướng tổ chức hoạt động phong phú, phù hợp từng độ tuổi, từng khối lớp, tạo môi trường học tập tích cực.

d) Phối hợp với các đơn vị, tổ chức ngoài nhà trường

Kết nối với trung tâm y tế, công an, các tổ chức xã hội, trung tâm hướng nghiệp, doanh nghiệp... trong việc tổ chức giáo dục pháp luật, hướng nghiệp, bảo vệ trẻ em, kỹ năng phòng tránh rủi ro, chăm sóc sức khỏe thể chất – tinh thần;

Tổ chức hoạt động trải nghiệm, tham quan học tập, tư vấn nghề nghiệp cho học sinh lớp 9.

e) Phối hợp với các cơ quan quản lý cấp trên

Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất; tiếp thu chỉ đạo và triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn;

Chủ động tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng, hội nghị chuyên môn do cấp trên tổ chức.

2.3. Hình thức và cơ chế phối hợp

Ký kết biên bản ghi nhớ phối hợp với các tổ chức liên quan (UBND xã, Trạm y tế, Công an, Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên...);

Thành lập các tổ công tác liên ngành khi cần thiết (phòng chống bỏ học, bảo vệ học sinh yếu thế, an toàn trường học...);

Phối hợp thông qua các buổi họp, tọa đàm, hội thảo, hoạt động chuyên đề, tích hợp trong các kế hoạch giáo dục, kế hoạch công tác đoàn thể và các hoạt động ngoại khóa;

Báo cáo, đánh giá định kỳ kết quả phối hợp trong các cuộc họp HĐSP, sơ kết, tổng kết năm học.

3. Công tác kiểm tra, giám sát; rà soát, điều chỉnh

a) Công tác kiểm tra, giám sát

Hiệu trưởng tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất việc triển khai kế hoạch giáo dục ở các tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên;

Nội dung kiểm tra bao gồm:

- + Việc thực hiện chương trình, thời khóa biểu;
- + Xây dựng và thực hiện kế hoạch bài dạy;
- + Tổ chức sinh hoạt chuyên môn;
- + Kiểm tra đánh giá học sinh;
- + Các hoạt động giáo dục khác (trải nghiệm, hướng nghiệp, kỹ năng sống...);

Phối hợp với tổ trưởng chuyên môn, công đoàn, tổng phụ trách Đội trong việc giám sát quá trình tổ chức và kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục;

Thực hiện kiểm tra nội bộ theo kế hoạch đã được phê duyệt và các tình huống đột xuất do thực tiễn đặt ra.

b) Rà soát kế hoạch giáo dục

Rà soát định kỳ kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch của các tổ chuyên môn, giáo viên, các hoạt động giáo dục ngoài giờ;

Đánh giá mức độ thực hiện mục tiêu, nội dung, tiến độ theo từng giai đoạn (theo học kỳ hoặc từng đợt thi đua);

Đối chiếu với điều kiện thực tiễn (nhân lực, CSVC, học sinh) và văn bản chỉ đạo mới từ các cấp để điều chỉnh phù hợp.

c) Điều chỉnh kế hoạch

Căn cứ kết quả kiểm tra, giám sát, hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận liên quan điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho sát với thực tế;

Việc điều chỉnh được thực hiện trên tinh thần linh hoạt, nhưng phải tuân thủ chương trình giáo dục phổ thông và các quy định hiện hành;

Các điều chỉnh lớn được báo cáo HĐSP thông qua.

4. Chế độ thông tin, báo cáo

a) Thông tin trong nội bộ nhà trường

Các bộ phận, tổ chuyên môn, giáo viên thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất cho Lãnh đạo theo phân công và theo từng hoạt động cụ thể;

GVCN cập nhật thường xuyên tình hình học tập, đạo đức, sức khỏe, hoàn cảnh học sinh và báo cáo hàng tháng hoặc khi có tình huống đặc biệt;

Tổng phụ trách Đội, cán bộ y tế, thư viện, thiết bị, tài vụ,... báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo thời gian quy định;

Sử dụng hiệu quả các kênh thông tin như: sổ báo giảng điện tử, nhóm trao đổi chuyên môn, phần mềm quản lý trường học, hồ sơ số,...

b) Báo cáo với cấp quản lý

Thực hiện báo cáo định kỳ (tuần, tháng, học kỳ, năm) và báo cáo chuyên đề theo yêu cầu của các cơ quan liên quan;

Nội dung báo cáo bao gồm: tình hình thực hiện kế hoạch giáo dục, CSVC, đội ngũ, học sinh, thi đua, tài chính, phổ cập giáo dục, kiểm định chất lượng,...

Sử dụng mẫu biểu thống nhất, báo cáo đúng thời gian, đúng quy định; đảm bảo trung thực, khách quan;

Cập nhật thông tin thường xuyên lên các hệ thống trực tuyến như cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, học bạ số, phần mềm kiểm định,...

c) Chế độ lưu trữ hồ sơ

Lưu trữ đầy đủ các loại hồ sơ báo cáo: Văn bản giấy và trên nền tảng điện tử;

Các báo cáo chuyên môn, kế hoạch, minh chứng thi đua,... được sắp xếp khoa học, phục vụ thanh tra, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026. Nhà trường đề nghị các bộ phận liên quan nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH (đề báo cáo);
- Lãnh đạo;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Văn Sinh

**PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
TRƯỜNG TH&THCS HUỖNH THỨC KHÁNG**

.....
 **Thông nhất với các nội dung Kế hoạch giáo dục nhà trường**
 **năm học 2025-2026**

.....
Quế Phước, ngày.... tháng 9 năm 2025

**T/M HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**

Đoàn Văn Sinh

Phụ lục 1
TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CẤP THCS
(Kèm theo Kế hoạch số 148/KH-THCS ngày 11/9/2025
của Trường TH&THCS Huỳnh Thúc Kháng)

| Thời gian | Nội dung công việc/Hoạt động giáo dục | Thực hiện |
|--------------------------------|--|------------------|
| 8/2025 | - Dự Hội nghị Tổng kết năm học 2024-2025 và triển khai nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2025-2026 | LĐ |
| | - Lập Kế hoạch và triển khai công tác tuyển sinh lớp 6 | PHT |
| | - Xây dựng KHGD nhà trường cấp THCS năm học 2025-2026 | PHT |
| | - Hội CM. THCS | PHT, GV. THCS |
| | - Phân công giảng dạy HKI năm học 2025-2026 | PHT |
| | - Phân công điều tra, cập nhật số liệu PCGD năm 2025 | HT |
| | - Tập huấn, hướng dẫn Kiểm tra, đánh giá năng lực các môn học lớp 6 - lớp 9 theo quy định hiện hành. | LĐ, GV |
| | - Chuẩn bị các điều kiện để khai giảng năm học mới | Toàn trường |
| | - Xây dựng thời khóa biểu | PHT |
| | - Xây dựng KHGD của giáo viên | GV |
| | - Xây dựng KHGD của tổ chuyên môn | TTCM |
| | - Duyệt KHGD của giáo viên | PHT, TTCM |
| - Duyệt KHGD của tổ chuyên môn | PHT | |
| 9/2025 | - Tham gia tập huấn chuyên môn các môn: Ngữ văn, Nghệ thuật, GDTC, HĐTN (ngày 11/9/2025) | Theo KH |
| | - Hội CM. THCS định kỳ | PHT, GV. THCS |
| | - Tổ chức khai giảng năm học mới 2025-2026. | Toàn trường |
| | - Điều tra và xử lý công tác PCGD năm 2025 | Tổ PCGD |
| | - Hội CMHS đầu năm và Hội nghị bầu Ban đại diện CMHS năm học 2025-2026 | Toàn trường |
| | - Xây dựng Kế hoạch KTNB lĩnh vực CM. THCS | PHT |
| - Xây dựng KH BDHSG lớp 9 | Theo KH | |
| 10/2025 | - Hội CM. THCS định kỳ | PHT, GV. THCS |
| | - Tổ chức Đại hội Liên đội | TPT, Liên đội |
| | - Tổ chức giải TTHS cấp trường | Theo KH |
| | - Hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận PCGD năm 2025 | Tổ PCGD |
| | - Thực hiện công tác KTNB theo kế hoạch | Ban KTNB |
| | - Tổ chức kỉ niệm ngày PNVN 20/10. | Toàn trường |
| | - Tổ chức BDHSG lớp 9 theo kế hoạch. | Theo KH |
| 11/2025 | - Hội CM. THCS định kỳ | PHT, GV. THCS |
| | - Tham gia Sinh hoạt chuyên môn cụm cấp THCS (lần 1) | Theo KH |

| Thời gian | Nội dung công việc/Hoạt động giáo dục | Thực hiện |
|---|---|------------------|
| | - Tham gia Hội thi Olympic tiếng Anh HSSV cấp thành phố năm học 2025 - 2026 (Chương trình phối hợp Thành Đoàn và Sở GDĐT) | Theo KH |
| | - Tham gia Hội thi Hùng biện câu chuyện đạo đức và pháp luật dành cho học sinh cấp THCS năm 2025. | Theo KH |
| | - Tổ chức các hoạt động chào mừng Ngày NGVN 20/11 | Toàn trường |
| | - Tổ chức Hội thi GVĐG cấp trường năm học 2025-2026 | Theo KH |
| | - Thực hiện công tác KTNB theo kế hoạch | Ban KTNB |
| | - Tổ chức kiểm tra giữa kỳ I (dự kiến tuần 9) | Theo KH |
| 12/2025 | - Họp CM.THCS định kỳ | PHT, GV.THCS |
| | - Đón đoàn kiểm tra PCGD cấp thành phố theo lịch | CBQL, Tổ PC |
| | - Tổ chức các hoạt động kỉ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12 | Toàn trường |
| | - Dạy bồi dưỡng HSG và phụ đạo HS dự thi tuyển sinh 10 | GV, HS |
| | - Tổ chức ôn tập và kiểm tra cuối HKI | Theo KH |
| | - Thực hiện công tác KTNB theo kế hoạch | Ban KTNB |
| 01/2026 | - Họp CM.THCS định kỳ | PHT, GV.THCS |
| | - Báo cáo sơ kết học kì I năm học 2025-2026 | CM |
| | - Tiếp tục tổ chức kiểm tra, đánh giá cuối HKI | PHT, GV |
| | - Hoàn thành các báo cáo nộp về cấp trên | PHT, VT |
| | - Tổ chức sơ kết HKI năm học 2025-2026, | Toàn trường |
| | - Thực hiện chương trình HKII năm học 2025-2026. | GV, HS |
| | - Họp CMHS cuối HKI và triển khai kế hoạch HKII năm học 2025-2026 | HT, PHT,GVCN |
| | Tham gia Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp thành phố năm học 2025-2026 | Theo KH |
| - Tham gia giải Hội khỏe Phù đồng cấp thành phố năm học 2025-2026 | Theo KH | |
| 02/2026 | - Họp CM.THCS định kỳ | PHT, GV.THCS |
| | - Tham gia Sinh hoạt chuyên môn cụm cấp THCS (lần 2) | |
| | - Tham gia giải Hội khỏe Phù đồng cấp thành phố năm học 2025-2026 | Theo KH |
| | - Tổ chức các hoạt động kỉ niệm ngày thành lập Đảng 3/2 và “Mừng Đảng-Mừng xuân” | Đoàn-Đội |
| | - Tiếp tục BDHSG 6,7,8 và phụ đạo HS9 thi tuyển sinh 10 | GV, HS |
| 3/2026 | - Họp CM.THCS định kỳ | PHT, GV.THCS |
| | - Tham gia thi học sinh giỏi lớp 9 cấp thành phố | Theo KH |
| | - Tổ chức các hoạt động chào mừng kỉ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày hội kỉ niệm thành lập Đoàn 26/3. | Đoàn-Đội |
| | - Thực hiện KTNB theo KH | Ban KTNB |

| Thời gian | Nội dung công việc/Hoạt động giáo dục | Thực hiện |
|------------------|---|------------------|
| | - Tổ chức kiểm tra giữa kỳ II (dự kiến tuần 26, 27) | Theo KH |
| | - Tiếp tục BDHSG 6,7,8 và phụ đạo HS9 thi tuyển sinh 10 | GV, HS |
| 4/20256 | - Họp CM.THCS định kỳ | PHT, GV.THCS |
| | - Tham gia Hội thi Tin học trẻ cấp thành phố | Theo KH |
| | - Rà soát hồ sơ minh chứng KĐCLGD và TCQG | Các bộ phận |
| | - Tiếp tục phụ đạo HS9 thi tuyển sinh 10 | GV, HS |
| | - Thực hiện KTNB theo KH | Ban KTNB |
| | - Tổ chức ôn tập và kiểm tra cuối HKII năm học 2025-2026 | Theo KH |
| 5/2026 | - Họp CM.THCS định kỳ | PHT, GV.THCS |
| | - Tham gia Cuộc thi Trưng bày sản phẩm dạy học STEM của học sinh cấp THCS năm học 2025-2026 | Theo KH |
| | - Tiếp tục kiểm tra cuối HKII năm học 2025-2026 | Theo KH |
| | - Tổng kết năm học và hoàn thành các báo cáo | CM, VT |
| | - Xét TNTHCS và hoàn thiện hồ sơ tuyển sinh lớp 10 năm học 2026 - 2027. | HĐTN |
| | - Họp CMHS cuối HKII | Toàn trường |
| | - Báo cáo Tổng kết năm học 2025-2026 | CM.THCS |
| | - Bế giảng năm học và bàn giao học sinh về địa phương | Toàn trường |

***Ghi chú:** Trên đây là khung thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục cấp THCS năm học 2025-2026, trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có thay đổi Hiệu trưởng sẽ điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với Kế hoạch giáo dục của nhà trường./.

Phụ lục 2
TỔ CHỨC PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Kế hoạch số 148/KH-THCS ngày 11/9/2025
của Trường TH&THCS Huỳnh Thúc Kháng)

Căn cứ Thông tư 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ GDĐT về quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học;

Căn cứ Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Trường TH&THCS Huỳnh Thúc Kháng thực hiện phân công lao động năm học 2025-2026 như sau:

1. Định hướng phân công

- Khối lượng tiết học theo chương trình GDPT 2018 (số tiết từng môn, từng khối lớp).
- Trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm và kinh nghiệm của giáo viên (ưu tiên GV có chuyên môn vững phụ trách lớp cuối cấp, bồi dưỡng HSG, ôn thi tuyển sinh vào lớp 10).
- Điều kiện nhân sự thực tế của nhà trường (cơ cấu bộ môn, giáo viên thừa/thiếu, giáo viên kiêm nhiệm).
- Nguyên vọng, sở trường của giáo viên.
- Yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS.

2. Phương án phân công dạy học

| TT | HỌ VÀ TÊN | DẠY CHÍNH, CHỨC VỤ, KIỂM NHIỆM, CON MỌN | | | | | | | | TS tiết/tuần | Tổng số tiết/HK | Định mức | Thừa, thiếu /HK | Ghi chú | BDHSG/năng khiếu | | | | TS tiết thừa/thiếu/HK |
|----|---------------------|---|-------------------|---------|---------|-----------|---------|----------------------------------|---------|--------------|-----------------|----------|-----------------|-----------|----------------------------------|---------|---------|---------|-----------------------|
| | | DẠY CHÍNH | TS tiết dạy chính | Chức vụ | | Chu nhiệm | | Kiểm nhiệm, con mọn | | | | | | | Môn/lớp | Số tiết | Số tuần | TS tiết | |
| | | | | Chức vụ | Số tiết | Lớp | Số tiết | Kiểm nhiệm, con mọn | Số tiết | | | | | | | | | | |
| 1 | Đoàn Văn Sinh | SHDC6 (1t) | 1 | HT | 17 | | | | | 18 | 324 | 342.0 | -18.0 | | | | 0 | -18.0 | |
| 2 | Trương Ngọc Ánh | Toán 8.2 (Buổi 2: 2t x1.5=3t) | 3 | PHT | 15 | | | | | 18 | 324 | 342.0 | -18.0 | | | | 0 | -18.0 | |
| 3 | Bùi Văn Thuận | SHDC 7; 8.1; 8.2; 9(4t); | 4 | TPT | 13 | | | | | 17 | 306 | 342.0 | -36.0 | GVHD | | | 0 | -36.0 | |
| 4 | Phạm Kim Hòa | KHTN(Lý)6; 7; 8.1; 8.2; 9 (6,5t); C.nghe 7; 8.1; 8.2; 9 (5,5t) | 12 | TTCM | 3 | | | Phụ trách Phòng BM Lý | 3 | 18 | 324 | 342.0 | -18.0 | | Lý 9 (3t.2=6t) STEM (1t.2=2t) | 8 | 16 | 128 | 110.0 |
| 5 | Võ Đoàn Ân | Văn 7; 9 (8t); Văn 6; 9 (Buổi 2: 2t x 1.5 = 3t) GDGD 6(1t) HĐT.N.HN 9 (2t) | 14 | TPCM | 1 | 9 | 4 | | | 19 | 342 | 342.0 | 0.0 | | Văn 9 (3t.2=6t) | 6 | 16 | 96 | 96.0 |
| 6 | Trần Thị Kim Chanh | Văn 6; 8.1;8.2(12t) Văn 7; 8 (Buổi 2: 3t x 1.5=4.5t); GDGD 9(1t) | 17.5 | | | | | TKHD | 2 | 19.5 | 351 | 342.0 | 9.0 | | | | 0 | 9.0 | |
| 7 | Phan Văn Phong | Nghệ thuật 6; 7; 8.1; 8.2 ;9(10t) GDGD 7; 8.1; 8.2;(3t) | 13 | | | | | Phụ trách phòng NT,VTM | 4 | 17 | 306 | 342.0 | -36.0 | GVHD | | | 0 | -36.0 | |
| 8 | Ngô Thị Phương Nhan | KHTN(Hóa) 6;7;8.1,8.2;9(6t) GDĐP 6;7;9(3t) C.nghe 6 (1t) HĐT.N.HN 7 (2t) | 12 | | | 7 | 4 | Phụ Trách phòng BM Hóa | 3 | 19 | 342 | 342.0 | 0.0 | GVHD | Hóa 9 (3t.2=6t) | 6 | 16 | 96 | 96.0 |
| 9 | Lê Thị Triều | LS&ĐL 6;7;8.1,8.2;9 (15t) GDĐP 8.1; 8.2 (2t) | 17 | | | | | | | 17 | 306 | 342.0 | -36.0 | | Sử 9 (3t.2=6t) | 6 | 16 | 96 | 60.0 |
| 10 | Lê Xuân Huy | Anh 6; 7; 8.1; 8.2; 9(15t) Anh 6; 7; 8.1; 8.2; 9 (Buổi 2: 5t x 1.5 =7.5t), | 22.5 | TTCM | 3 | | | | | 25.5 | 459 | 342.0 | 117.0 | | Anh 9 (3t.2=6t) | 6 | 16 | 96 | 213.0 |
| 11 | Trần Thị Nga | Toán 8.1; 8.2; 9(12t) Toán 8.1; 9 (Buổi 2: 4t x 1.5 =6t); | 18 | TPCM | 1 | | | | | 19 | 342 | 342.0 | 0.0 | | Toán 9 (3t.2=6t) | 6 | 16 | 96 | 96.0 |
| 12 | Lê Phước Tuấn | Toán 6; 7(8t) Toán 6; 7(Buổi 2: 4t x 1.5 =6t) | 14 | | | 6 | 4 | | | 18 | 324 | 342.0 | -18.0 | | | | 0 | -18.0 | |
| 13 | Hồ Thị Thu Phương | KHTN(Sinh) 6; 7; 8.1; 8.2; 9(7,5t); HĐT.N.HN 8.1; 8.2(4t) | 11.5 | | | 8.1 | 4 | Phụ trách phòng BM Sinh | 3 | 18.5 | 333 | 342.0 | -9.0 | | Sinh 9 (3t.2=6t) | 6 | 16 | 96 | 87.0 |
| 14 | Mai Mạnh Cường | GDTC 6; 7; 8.1; 8.2; 9 (10t) HĐT.N.HN 6 (2t) | 12 | | | | | Phụ trách nhà Đa Năng | 3 | 15 | 270 | 342.0 | -72.0 | GVHD | NK 6;7;8;9 (4t.2=8t) | 8 | 16 | 128 | 56.0 |
| 15 | Lưu Thị Bích Dương | Tin 6; 7; 8.1; 8.2; 9 (5t) 6 tiết TH (6t) | 11 | | | 8.2 | 4 | Phụ trách CNTT (kể cả phòng Tin) | 3 | 18 | 324 | 342.0 | -18.0 | | Tin 9 (3t.2=6t) | 6 | 16 | 96 | 78.0 |
| 16 | Ngô Thị Hiếu Vương | | | | | | | | | 0 | 0 | 342.0 | -342.0 | Nghi sinh | | | 0 | -342.0 | |

Phụ lục 3
TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN KHTN THEO CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018
*(Kèm theo Kế hoạch số 148/KH-THCS ngày 11/9/2025
của Trường TH&THCS Huỳnh Thúc Kháng)*

1. Định hướng dạy học

- Chương trình môn Khoa học tự nhiên bao gồm các chủ đề: Chất và sự biến đổi của chất, Vật sống, Năng lượng và sự biến đổi, Trái Đất và bầu trời. Các chủ đề được sắp xếp chủ yếu theo logic tuyến tính, có kết hợp ở mức độ nhất định với cấu trúc đồng tâm, đồng thời có một số chủ đề liên môn, tích hợp nhằm hình thành các nguyên lí, quy luật chung của thế giới tự nhiên. Căn cứ tình hình đội ngũ GV của nhà trường, Hiệu trưởng đã phân công GV dạy học các chủ đề theo phương án song song phù hợp với năng lực chuyên môn của GV.

- Kế hoạch dạy học môn học được xây dựng phù hợp với logic sắp xếp các chủ đề của chương trình môn học và điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường; thực hiện dạy học theo phương án song song đã được thống nhất trong đợt tập huấn dạy học theo Chương trình GDPT 2018.

Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong mỗi học kì được thực hiện trong quá trình dạy học môn học theo kế hoạch. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng gồm nội dung của các chủ đề đã thực hiện theo kế hoạch dạy học, bảo đảm tỉ lệ phù hợp với nội dung và thời lượng dạy học đến thời điểm kiểm tra, đánh giá đã được thống nhất trong đợt tập huấn dạy học theo Chương trình GDPT 2018.

2. Phương án dạy học

Căn cứ Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

Căn cứ Công văn số 2613/BGDĐT-GDTrH ngày 23/6/2021 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2021-2022;

Căn cứ Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ GDĐT về việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Nay chuyên môn nhà trường xây dựng kế hoạch dạy học của môn KHTN năm học 2025-2026 như sau:

KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6

I. Kế hoạch dạy học

Phân bố cụ thể theo từng phân môn trong từng học kỳ, cụ thể:

1. **HỌC KỲ I:** 18 tuần x 4 tiết/tuần = 72 tiết; Trong đó, phân chia cụ thể cho từng phân môn như ở bảng sau:

| Tuần Phân môn | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | Tổng cộng | |
|------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--------------|----|
| Sinh | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 36 |
| Hóa | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 18 |
| Lý | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 18 |

* Chế độ cột điểm

| Phân môn | Tuần | Kiểm tra thường xuyên | Kiểm tra định kỳ (chung) | Kiểm tra cuối kỳ (chung) | Tổng số cột điểm |
|----------|------|-----------------------|-----------------------------|-----------------------------|------------------|
| Hóa | | 1 | 1 | 1 | 6 |
| Sinh | | 2 | | | |
| Lý | | 1 | | | |

2. **HỌC KỲ II:** 17 tuần x 4 tiết/tuần = 68 tiết; Trong đó, phân chia cụ thể cho từng phân môn như ở bảng sau:

| Tuần Phân môn | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | Tổng cộng | | |
|------------------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--------------|----|----|
| Hóa | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 17 | |
| Sinh | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 29 |
| Lý | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 22 |

* Chế độ cột điểm

| Phân môn | Tuần | Kiểm tra thường xuyên | Kiểm tra định kỳ (chung) | Kiểm tra cuối kỳ (chung) | Tổng số cột điểm |
|----------|------|-----------------------|-----------------------------|-----------------------------|------------------|
| Hóa | | 1 | 1 | 1 | 6 |
| Sinh | | 2 | | | |
| Lý | | 1 | | | |

KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 7

I. Kế hoạch dạy học (phân phối chương trình)

Phân bố cụ thể theo từng phân môn trong từng học kỳ

1. HỌC KỲ I: 18 tuần x 4 tiết/tuần = 72 tiết; Trong đó, phân chia cụ thể cho từng phân môn như ở bảng sau:

| Tuần Phân môn | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | Tổng cộng |
|------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|-----------|
| Hóa | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 36 |
| Lý | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 18 |
| Sinh | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 18 |

*** Chế độ cột điểm**

| Tuần Phân môn | Kiểm tra thường xuyên | Kiểm tra định kỳ (chung) | Kiểm tra cuối kỳ (chung) | Tổng số cột điểm |
|------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|------------------|
| Hóa | 2 | 1 | 1 | 6 |
| Sinh | 1 | | | |
| Lý | 1 | | | |

2. HỌC KỲ II: 17 tuần x 4 tiết/tuần = 68 tiết; Trong đó, phân chia cụ thể cho từng phân môn như ở bảng sau:

| Tuần Phân môn | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | Tổng cộng |
|------------------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|-----------|
| Lý | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 30 |
| Sinh | 3 | 3 | 3 | 3 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 38 |

*** Chế độ cột điểm**

| Tuần Phân môn | Kiểm tra thường xuyên | Kiểm tra định kỳ (chung) | Kiểm tra cuối kỳ (chung) | Tổng số cột điểm |
|------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|------------------|
| Hóa | 0 | 1 | 1 | 6 |
| Sinh | 2 | | | |
| Lý | 2 | | | |

KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 8

I. Kế hoạch dạy học (phân phối chương trình)

Phân bố cụ thể theo từng phân môn trong từng học kỳ

1 HỌC KỲ I: 18 tuần x 4 tiết/tuần = 72 tiết; Trong đó, phân chia cụ thể cho từng phân môn như ở bảng sau:

| Tuần Phân môn | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | Tổng cộng |
|------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--------------|
| Hóa | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 23 |
| Lý | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 22 |
| Sinh | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 27 |

* Chế độ cột điểm

| Phân môn | Tuần | Kiểm tra thường xuyên | Kiểm tra định kỳ (chung) | Kiểm tra cuối kỳ (chung) | Tổng số cột điểm |
|----------|------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|------------------|
| Hóa | | 1 | 1 | 1 | 6 |
| Sinh | | 2 | | | |
| Lý | | 1 | | | |

2. HỌC KỲ II: 17 tuần x 4 tiết/tuần = 68 tiết; Trong đó, phân chia cụ thể cho từng phân môn như ở bảng sau:

| Tuần Phân môn | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | Tổng cộng |
|------------------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--------------|
| Hóa | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 22 |
| Lý | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 22 |
| Sinh | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 24 |

* Chế độ cột điểm

| Phân môn | Tuần | Kiểm tra thường xuyên | Kiểm tra định kỳ (chung) | Kiểm tra cuối kỳ (chung) | Tổng số cột điểm |
|----------|------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|------------------|
| Hóa | | 1 | 1 | 1 | 6 |
| Sinh | | 2 | | | |
| Lý | | 1 | | | |

KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 9

I. Kế hoạch dạy học (phân phối chương trình)

Phân bố cụ thể theo từng phân môn trong từng học kỳ

1. HỌC KỲ I: 18 tuần x 4 tiết/tuần = 72 tiết; Trong đó, phân chia cụ thể cho từng phân môn như ở bảng sau:

| Tuần Phân môn | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | Tổng cộng |
|------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|-----------|
| Lý | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 27 |
| Hóa | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 27 |
| Sinh | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 18 |

* Chế độ cột điểm

| Tuần Phân môn | Kiểm tra thường xuyên | Kiểm tra định kỳ (chung) | Kiểm tra cuối kỳ (chung) | Tổng số cột điểm |
|------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|------------------|
| Hóa | 2 | 1 | 1 | 6 |
| Sinh | 1 | | | |
| Lý | 1 | | | |

2. HỌC KỲ II: 17 tuần x 4 tiết/tuần = 68 tiết; Trong đó, phân chia cụ thể cho từng phân môn như ở bảng sau:

| Tuần Phân môn | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | Tổng cộng |
|------------------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|-----------|
| Lý | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 24 |
| Hóa | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 27 |
| Sinh | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 17 |

* Chế độ cột điểm

| Tuần Phân môn | Kiểm tra thường xuyên | Kiểm tra định kỳ (chung) | Kiểm tra cuối kỳ (chung) | Tổng số cột điểm |
|------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|------------------|
| Hóa | 2 | 1 | 1 | 6 |
| Sinh | 1 | | | |
| Lý | 1 | | | |

Phụ lục 4
TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ
THEO CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

*(Kèm theo Kế hoạch số 148/KH-THCS ngày 11/9/2025
của Trường TH&THCS Huỳnh Thúc Kháng)*

1. Định hướng dạy học

Chương trình môn Lịch sử và Địa lí bao gồm phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí, mỗi phân môn được thiết kế theo mạch nội dung riêng, trong đó nhiều nội dung dạy học liên quan được bố trí gần nhau để hỗ trợ nhau; nội dung Lịch sử tích hợp trong những phần phù hợp của nội dung Địa lí và nội dung Địa lí tích hợp trong những phần phù hợp của nội dung Lịch sử. Căn cứ tình hình đội ngũ giáo viên của nhà trường, Hiệu trưởng đã phân công GV dạy học các nội dung của chương trình phù hợp với năng lực chuyên môn của GV. Nhà trường chủ động việc tham mưu, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để GV đáp ứng yêu cầu chuyên môn đảm nhận việc dạy học toàn bộ chương trình môn học.

Kế hoạch dạy học môn học được xây dựng theo từng phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí, mỗi phân môn được bố trí dạy học đồng thời trong từng học kì đã được thống nhất trong đợt tập huấn dạy học Chương trình GDPT 2018. Hiệu trưởng đã phân công GV có năng lực chuyên môn phù hợp để dạy học môn Lịch sử&Địa lí (không dạy riêng lẻ).

2. Phương án dạy học

PHÂN PHỐI TIẾT DẠY MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ

| KHỐI | HKI | | | | HKII | | | |
|------|------------|-----|------------|-----|------------|-----|------------|-----|
| | 9 tuần đầu | | 9 tuần sau | | 8 tuần đầu | | 9 tuần sau | |
| | SỬ | ĐỊA | SỬ | ĐỊA | SỬ | ĐỊA | SỬ | ĐỊA |
| 6 | 1 | 2 | 2 | 1 | 2 | 1 | 1 | 2 |
| 7 | 2 | 1 | 1 | 2 | 1 | 2 | 2 | 1 |
| 8 | 2 | 1 | 1 | 2 | 1 | 2 | 2 | 1 |
| 9 | 1 | 2 | 2 | 1 | 2 | 1 | 1 | 2 |

3. Kiểm tra, đánh giá

Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học theo từng phân môn. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng bao gồm nội dung phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí theo tỉ lệ phù hợp với nội dung và thời lượng dạy học của mỗi phân môn và chủ đề chung đến thời điểm kiểm tra, đánh giá đã được thống nhất trong đợt tập huấn dạy học Chương trình GDPT 2018. Giáo viên được phân công dạy học chủ đề chung, chịu trách nhiệm việc kiểm tra, đánh giá chủ đề chung (gồm đánh giá thường xuyên và định kì).

Phụ lục 5
TỔ CHỨC DẠY HỌC 2 BUỔI/NGÀY
(Kèm theo Kế hoạch số 148/KH-THCS ngày 11/9/2025
của Trường TH&THCS Huỳnh Thúc Kháng)

Căn cứ Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026, Trường TH&THCS Huỳnh Thúc Kháng thực hiện tổ chức dạy học 2 buổi/ngày như sau:

1. Định hướng dạy học

a) Triển khai 2 buổi/ngày theo lộ trình; tổ chức dạy 2 buổi/ngày ở các nhà trường có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên; bố trí thời gian, thời khóa biểu học tập tối thiểu 5 ngày/tuần, tối đa là 11 buổi/tuần, mỗi ngày không quá 7 tiết học, mỗi tiết 45 phút.

b) Nội dung và hình thức dạy học

- Buổi 1: Tổ chức dạy nội dung Chương trình giáo dục phổ thông các môn học và hoạt động giáo dục ban hành kèm theo thông tư 32/2018/TT-BGDĐT.

- Buổi 2: Tổ chức phụ đạo học sinh chưa đạt yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông; bồi dưỡng học sinh giỏi; tổ chức ôn tập để học sinh thi tuyển sinh vào lớp 10; tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật, giáo dục hướng nghiệp, hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM/STEAM, giáo dục văn hóa đọc, giáo dục đạo đức, văn hóa học đường, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ, thể thao, văn hóa, nghệ thuật và các nội dung giáo dục khác theo qui định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh...

- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học: Học theo nhóm học sinh cùng trình độ, năng lực hoặc học theo câu lạc bộ sở thích; hướng dẫn học sinh tự học, kết hợp giữa học tập trong lớp học và các hoạt động giáo dục ngoài lớp học, nhà đa năng, thư viện, khu vui chơi...

2. Phương án dạy học

* **Tổng số tiết học trong tuần của lớp 6; 7 là 31 tiết kể cả tiết chào cờ và sinh hoạt lớp; lớp 8; 9 là 31,5 tiết kể cả tiết chào cờ và sinh hoạt lớp.**

* **Thực hiện dạy 2 buổi/ngày**

- Môn Toán phụ đạo 2 tiết/tuần/lớp.

- Môn Ngữ văn phụ đạo 1 tiết/tuần/lớp.

- Môn Tiếng Anh phụ đạo 1 tiết/tuần/lớp.

Tổng số tiết phải học trong tuần của lớp 6; 7 là 35 tiết

Dự kiến học 10 buổi/tuần, buổi sáng 4 tiết/buổi; buổi chiều 3 tiết/buổi.

Tổng số tiết phải học trong tuần của lớp 8; 9 là 35,5 tiết.

Dự kiến học 10 buổi/tuần, buổi sáng 4 tiết/buổi; buổi chiều 3 tiết/buổi (HKI)

a) Buổi 1 (buổi sáng): Dạy các môn: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, LS&ĐL, KHTN; tổng số tiết/1 lớp/tuần là 18 tiết + 1 tiết chào cờ + 1 tiết sinh hoạt lớp = 20 tiết : 5 buổi, vậy dạy 4 tiết/buổi cụ thể như sau:

| BUỔI 1 (Sáng) | | | | | | | |
|---------------|------|------|------------------------|-------------------------|--------------------------|-------------------------|----------------------|
| THỨ | BUỔI | TIẾT | LỚP 6 | LỚP 7 | LỚP 8.1 | LỚP 8.2 | LỚP 9 |
| Thứ 2 | Sáng | 1 | Chào cờ - T.Tuân | Chào cờ - C.Nhanh | Chào cờ - C.Phương | Chào cờ - C.Dương | Chào cờ - T.Ấn |
| | | 2 | Toán - T.Tuân | Văn - T.Ấn | KHTN(Hóa)- C.Nhanh | Anh - T.Huy | KHTN(Lý)-T.Hòa |
| | | 3 | Toán - T.Tuân | Văn - T.Ấn | Anh - T.Huy | KHTN(Sinh)- C.Phương | Toán - C.Nga |
| | | 4 | KHTN(Sinh)- C.Phương | Anh - T.Huy | Toán - C.Nga | KHTN(Lý)-T.Hòa | Văn - T.Ấn |
| Thứ 3 | Sáng | 1 | Văn - C.Chanh | Văn - T.Ấn | KHTN(Lý)-T.Hòa | LS&DL -C.Triều | Anh - T.Huy |
| | | 2 | Văn - C.Chanh | Văn - T.Ấn | Anh - T.Huy | LS&DL -C.Triều | KHTN(Lý)-T.Hòa |
| | | 3 | Anh - T.Huy | KHTN(Hóa)- C.Nhanh | LS&DL -C.Triều | KHTN(Lý)-T.Hòa | Văn - T.Ấn |
| | | 4 | Anh - T.Huy | KHTN(Lý)-T.Hòa | LS&DL -C.Triều | KHTN(Hóa)- C.Nhanh | Văn - T.Ấn |
| Thứ 4 | Sáng | 1 | LS&DL -C.Triều | Anh - T.Huy | KHTN(Sinh)- C.Phương | Văn - C.Chanh | Toán - C.Nga |
| | | 2 | LS&DL -C.Triều | KHTN(Sinh)- C.Phương | Anh - T.Huy | Văn - C.Chanh | Toán - C.Nga |
| | | 3 | Văn - C.Chanh | Toán -T.Tuân | Toán - C.Nga | Anh - T.Huy | LS&DL -C.Triều |
| | | 4 | Văn - C.Chanh | Toán -T.Tuân | Toán - C.Nga | Anh - T.Huy | LS&DL -C.Triều |
| Thứ 5 | Sáng | 1 | Toán -T.Tuân | Anh - T.Huy | Văn - C.Chanh | Toán - C.Nga | LS&DL -C.Triều |
| | | 2 | KHTN(Hóa)- C.Nhanh | LS&DL -C.Triều | Văn - C.Chanh | Toán - C.Nga | Anh - T.Huy |
| | | 3 | LS&DL -C.Triều | Toán -T.Tuân | Toán - C.Nga | Văn - C.Chanh | Anh - T.Huy |
| | | 4 | Anh - T.Huy | Toán -T.Tuân | LS&DL -C.Triều | Văn - C.Chanh | KHTN(Hóa)- C.Nhanh |
| Thứ 6 | Sáng | 1 | KHTN(Lý)-T.Hòa | LS&DL -C.Triều | Văn - C.Chanh | Toán - C.Nga | KHTN(Sinh)- C.Phương |
| | | 2 | KHTN(Sinh)- C.Phương | LS&DL -C.Triều | Văn - C.Chanh | Toán - C.Nga | Văn - T.Ấn |
| | | 3 | Toán -T.Tuân | KHTN(Hóa)- C.Nhanh | KHTN(Lý)-T.Hòa | LS&DL -C.Triều | Toán - C.Nga |
| | | 4 | Sinh hoạt lớp - T.Tuân | Sinh hoạt lớp - C.Nhanh | Sinh hoạt lớp - C.Phương | Sinh hoạt lớp - C.Dương | Sinh hoạt lớp - T.Ấn |

b) Buổi 2 (buổi chiều): Dạy các môn: Tin, GDCD, Công nghệ, Nghệ thuật, GDTC, HẾTN-HN, GDĐP; tổng số tiết/1 lớp/tuần là 11 tiết + 2 tiết Toán (PĐ) + 1 tiết Ngữ văn (PĐ) + 1 tiết Tiếng Anh (PĐ) = 15 tiết : 5 buổi, vậy dạy 3 tiết/buổi. Cụ thể như sau:

| BUỔI 2 (Chiều) | | | | | | | |
|----------------|-------|------|---------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| THỨ | BUỔI | TIẾT | LỚP 6 | LỚP 7 | LỚP 8.1 | LỚP 8.2 | LỚP 9 |
| Thứ 2 | Chiều | 1 | Tin - C.Dương | Toán -T.Tuân | Nhạc -T.Phong | Công nghệ - T.Hòa | GDĐP - C. Nhanh |
| | | 2 | GDTC - T.Cường | Toán -T.Tuân | Toán - C.Nga | GDCD -T.Phong | Tin - C.Dương |
| | | 3 | GDTC - T.Cường | GDĐP - C. Nhanh | GDCD -T.Phong | Tin - C.Dương | Công nghệ - T.Hòa |
| Thứ 3 | Chiều | 1 | GDĐP - C. Nhanh | Văn - T.Ấn | Công nghệ - T.Hòa | Mĩ thuật -T.Phong | GDCD -C.Chanh |
| | | 2 | GDCD - T.Ấn | GDTC - T.Cường | Văn - C.Chanh | GDĐP - T.Triều | Mĩ thuật -T.Phong |
| | | 3 | Công nghệ - C.Nhanh | GDTC - T.Cường | GDĐP - T.Triều | Nhạc -T.Phong | Công nghệ - T.Hòa |
| Thứ 4 | Chiều | 1 | Toán -T.Tuân | Nhạc -T.Phong | Toán - C.Nga | Toán -T.Ấn | Văn - T.Ấn |
| | | 2 | Văn - C.Chanh | Mĩ thuật -T.Phong | GDTC - T.Cường | Toán -T.Ấn | Toán - C.Nga |
| | | 3 | Mĩ thuật -T.Phong | Anh - T.Huy | GDTC - T.Cường | Văn - C.Chanh | Toán - C.Nga |
| Thứ 5 | Chiều | 1 | Anh - T.Huy | GDCD -T.Phong | Tin - C.Dương | Công nghệ - T.Hòa | GDTC - T.Cường |
| | | 2 | Nhạc -T.Phong | Tin - C.Dương | Công nghệ - T.Hòa | Anh - T.Huy | GDTC - T.Cường |
| | | 3 | Toán -T.Tuân | Công nghệ - T.Hòa | Mĩ thuật -T.Phong | GDTC - T.Cường | Anh - T.Huy |
| | | 4 | | | Anh - T.Huy | GDTC - T.Cường | Nhạc -T.Phong |
| Thứ 6 | Chiều | 1 | HẾTN.HN-T.Cường | HẾTN.HN-C.Nhanh | HẾTN.HN-C.Phương | HẾTN.HN-C.Phương | HẾTN.HN-T.Ấn |
| | | 2 | HẾTN.HN-T.Cường | HẾTN.HN-C.Nhanh | HẾTN.HN-C.Phương | HẾTN.HN-C.Phương | HẾTN.HN-T.Ấn |
| | | 3 | HẾTN.HN-T.Sinh | HẾTN.HN-T.Thuần | HẾTN.HN-T.Thuần | HẾTN.HN-T.Thuần | HẾTN.HN-T.Thuần |

c) Về công tác bồi dưỡng HS giỏi

* Lớp 9 bồi dưỡng các môn: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, KHTN(Lý), KHTN(Hóa), KHTN(Sinh) LS&DL, Tin; mỗi môn bồi dưỡng 3 tiết/tuần vào sáng thứ 7.

Phụ lục 6
TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN GDDP THEO CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018
(Kèm theo Kế hoạch số 148/KH-THCS ngày 11/9/2025
của Trường TH&THCS Huỳnh Thúc Kháng)

1. Định hướng dạy học

- Nội dung giáo dục của địa phương bao gồm những vấn đề cơ bản về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương. Căn cứ vào nội dung giáo dục của địa phương, Hiệu trưởng đã phân công GV dạy học các chủ đề phù hợp với năng lực của GV.

- Kế hoạch dạy học Nội dung giáo dục của địa phương được xây dựng theo từng chủ đề phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường và kế hoạch dạy học các môn học có liên quan, tạo thuận lợi cho học sinh liên hệ, vận dụng những nội dung kiến thức đã học trong các môn học với thực tiễn tại địa phương.

- Giáo viên dạy học chủ đề nào thực hiện việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với chủ đề đó theo kế hoạch. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, nội dung kiểm tra, đánh giá bao gồm nội dung các chủ đề đã dạy học đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

2. Phương án dạy học

2.1. Kế hoạch dạy học GDDP 6.

| Tuần | Tiết | Bài học | GV DẠY |
|-----------------|-------------|--|---------------------|
| HỌC KỲ 1 | | | |
| 1-5 | 1-5 | Chủ đề 1 Đà Nẵng - từ nguồn gốc đến thế kỉ X | Ngô Thị Phụng Nhanh |
| 6-8 | 6-8 | Chủ đề 2 Vị trí địa lí và các đơn vị hành chính của thành phố Đà Nẵng | Ngô Thị Phụng Nhanh |
| 9 | 9 | Kiểm tra, đánh giá giữa HK I | Ngô Thị Phụng Nhanh |
| 10-11 | 10-11 | Chủ đề 2 (tt) Vị trí địa lí và các đơn vị hành chính của thành phố Đà Nẵng | Ngô Thị Phụng Nhanh |
| 12-16 | 12-16 | Chủ đề 3 Di sản văn hoá vật thể ở thành phố Đà Nẵng | Ngô Thị Phụng Nhanh |
| 17 | 17 | Ôn tập cuối HK I | Ngô Thị Phụng Nhanh |
| 18 | 18 | Kiểm tra, đánh giá cuối HK I | |
| HỌC KỲ 2 | | | |
| 19-23 | 19-23 | Chủ đề 4 Hệ thống sông chính ở thành phố Đà Nẵng | Ngô Thị Phụng Nhanh |
| 24 | 24 | Kiểm tra, đánh giá giữa HK II | |

| | | | |
|-------|-------|---|----------------------|
| 25-28 | 25-28 | Chủ đề 5 Bảo tàng Điêu khắc Chăm | Ngô Thị Phượng Nhanh |
| 29-33 | 29-33 | Chủ đề 6 Hoạt động đền ơn đáp nghĩa | Ngô Thị Phượng Nhanh |
| 34 | 34 | Ôn tập cuối HK II | |
| 35 | 35 | Kiểm tra, đánh giá cuối HK II | |

2.2. Kế hoạch dạy học GDDP 7.

| Tuần | Tiết | Bài học | GV DẠY |
|---|-------|--|----------------------|
| HỌC KỲ 1: 18 tuần x 1 tiết = 18 tiết | | | |
| 1-5 | 1-5 | Chủ đề 1 Đà Nẵng từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI | Ngô Thị Phượng Nhanh |
| 6-9 | 6-9 | Chủ đề 2 Di sản văn hoá phi vật thể ở thành phố Đà Nẵng | Ngô Thị Phượng Nhanh |
| 10 | 10 | Kiểm tra, đánh giá giữa HK I | |
| 11-16 | 11-16 | Chủ đề 3 Tài nguyên đất và rừng của thành phố Đà Nẵng | Ngô Thị Phượng Nhanh |
| 17 | 17 | Ôn tập cuối HK I | |
| 18 | 18 | Kiểm tra, đánh giá cuối HK I | |
| HỌC KỲ 2: 17 tuần x 1 tiết = 17 tiết | | | |
| 19-23 | 19-23 | Chủ đề 4 Một số xu hướng triển vọng trong phát triển nông nghiệp ở thành phố Đà Nẵng | Ngô Thị Phượng Nhanh |
| 25-27 | 25-27 | Chủ đề 5 Phòng chống tệ nạn xã hội xâm nhập học đường | Ngô Thị Phượng Nhanh |
| 28 | 28 | Kiểm tra, đánh giá giữa HK II | |
| 29-33 | 29-33 | Chủ đề 6 Bảo vệ môi trường ở thành phố Đà Nẵng | Ngô Thị Phượng Nhanh |
| 34 | 34 | Ôn tập cuối HK II | |
| 35 | 35 | Kiểm tra, đánh giá giữa HK II | |

2.3. Kế hoạch dạy học GDĐP 8.

| Tuần | Tiết | Bài học | GV DẠY |
|-----------------|-------|---|--------------|
| HỌC KỲ 1 | | | |
| 1-5 | 1-5 | Chủ đề 1 Đà Nẵng từ thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XIX | Lê Thị Triều |
| 6-8 | 6-8 | Chủ đề 2 Dân cư thành phố Đà Nẵng | Lê Thị Triều |
| 9 | 9 | Kiểm tra, đánh giá giữa HK I | |
| 10-11 | 10-11 | Chủ đề 2 Dân cư thành phố Đà Nẵng | Lê Thị Triều |
| 12-16 | 12-16 | Chủ đề 3 Tài nguyên biển của thành phố Đà Nẵng | Lê Thị Triều |
| 15 | 17 | Ôn tập cuối HK I | |
| 16 | 18 | Kiểm tra, đánh giá cuối HK I | |
| HỌC KỲ 2 | | | |
| 19-23 | 19-23 | Chủ đề 4. Ca dao - dân ca Đất Quảng | Lê Thị Triều |
| 24-25 | 24-25 | Chủ đề 5 Nghệ thuật hô/hát Bài chòi dân gian ở thành phố Đà Nẵng | Lê Thị Triều |
| 26 | 26 | Kiểm tra, đánh giá giữa HK II | |
| 27-28 | 27-28 | Chủ đề 5 Nghệ thuật hô/hát Bài chòi dân gian ở thành phố Đà Nẵng (TT) | Lê Thị Triều |
| 29-33 | 29-33 | Chủ đề 6. Xây dựng nếp sống văn hoá, văn minh ở thành phố Đà Nẵng | Lê Thị Triều |
| 34 | 34 | Ôn tập cuối HK II | |
| 35 | 35 | Kiểm tra, đánh giá giữa HK II | |

2.4. Kế hoạch dạy học GDĐP 9.

| Tuần | Tiết | Bài học | GV DẠY |
|-----------------|------|--|----------------------|
| HỌC KỲ 1 | | | |
| 1-5 | 1-5 | Chủ đề 1. Lịch sử Đà Nẵng từ thế kỉ XX đến nay | Ngô Thị Phượng Nhanh |
| 6-8 | 6-8 | Chủ đề 2. Đặc khu Hoàng Sa | Ngô Thị Phượng Nhanh |

| | | | |
|-----------------|-------|--|----------------------|
| 9 | 9 | Kiểm tra giữa kỳ 1 | |
| 10-11 | 10-11 | Chủ đề 2. Đặc khu Hoàng Sa | Ngô Thị Phượng Nhanh |
| 12-16 | 12-16 | Chủ đề 3. Lễ hội truyền thống ở thành phố Đà Nẵng | Ngô Thị Phượng Nhanh |
| 15 | 17 | Ôn tập cuối học kỳ 1 | |
| 16 | 18 | Kiểm tra, đánh giá cuối HK I | |
| HỌC KỲ 2 | | | |
| 19-23 | 19-23 | Chủ đề 4. Kinh tế du lịch của thành phố Đà Nẵng | Ngô Thị Phượng Nhanh |
| 24-25 | 24-25 | Chủ đề 5. Đà Nẵng xây dựng đô thị sinh thái và thành phố thông minh | Ngô Thị Phượng Nhanh |
| 26 | 26 | Kiểm tra, đánh giá giữa HK II | |
| 27-28 | 27-28 | Chủ đề 5. Đà Nẵng xây dựng đô thị sinh thái và thành phố thông minh (TT) | Ngô Thị Phượng Nhanh |
| 29-33 | 29-33 | Chủ đề 6. Định hướng nghề nghiệp trong tương lai | Ngô Thị Phượng Nhanh |
| 34 | 34 | Ôn tập cuối học kỳ 2 | |
| 35 | 35 | Kiểm tra, đánh giá HK II | |

Phụ lục 7
TỔ CHỨC DẠY HỌC HĐTN-HN THEO CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018
(Kèm theo Kế hoạch số 148/KH-THCS ngày 11/9/2025
của Trường TH&THCS Huỳnh Thúc Kháng)

1. Thời lượng thực hiện chương trình

- Thời lượng dành cho Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là 3 tiết/lớp/tuần.

- Thời lượng thực hiện các loại hoạt động có thể được phân bổ theo tỉ lệ như sau: Hoạt động hướng vào bản thân (40%); Hoạt động hướng đến xã hội (25%); Hoạt động hướng đến tự nhiên (15%); Hoạt động hướng nghiệp (20%).

- Thời lượng thực hiện giữa các chủ đề có thể điều chỉnh cho phù hợp theo thực tế lớp học.

2. Khung thực hiện chương trình HĐTN-HN

Căn cứ Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ GDĐT về việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp;

Nay chuyên môn nhà trường xây dựng kế hoạch dạy học của môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp năm học 2025-2026 như sau:

| Lớp 6 | | Lớp 7 | |
|----------------------------------|----------------|----------------------------------|----------------|
| Tên chủ đề | Số tiết | Tên chủ đề | Số tiết |
| Em với nhà trường | 12 | Em với nhà trường | 9 |
| Khám phá bản thân | 12 | Khám phá bản thân | 12 |
| Trách nhiệm với bản thân | 12 | Trách nhiệm với bản thân | 15 |
| Rèn luyện bản thân | 12 | Rèn luyện bản thân | 15 |
| Em với gia đình | 12 | Em với gia đình | 9 |
| Em với cộng đồng | 12 | Em với cộng đồng | 9 |
| Em với thiên nhiên và môi trường | 12 | Em với thiên nhiên và môi trường | 15 |
| Khám phá thế giới nghề nghiệp | 12 | Khám phá thế giới nghề nghiệp | 15 |
| Hiểu bản thân - chọn đúng nghề | 9 | Hiểu bản thân – chọn đúng nghề | 6 |
| Lớp 8 | | Lớp 9 | |
| Tên chủ đề | Số tiết | Tên chủ đề | Số tiết |
| Em với nhà trường | 9 | Em với nhà trường | 9 |
| Khám phá bản thân | 12 | Khám phá bản thân | 12 |
| Trách nhiệm với bản thân | 13 | Trách nhiệm với bản thân | 12 |
| Rèn luyện bản thân | 13 | Rèn luyện bản thân | 13 |
| Em với gia đình | 9 | Em với gia đình | 9 |
| Em với cộng đồng | 9 | Em với cộng đồng | 9 |
| Em với thiên nhiên và môi trường | 13 | Em với thiên nhiên và môi trường | 15 |
| Khám phá thế giới nghề nghiệp | 6 | Khám phá thế giới nghề nghiệp | 6 |
| Hiểu bản thân – chọn đúng nghề | 13 | Hiểu bản thân-chọn đúng nghề | 12 |

3. Kiểm tra, đánh giá

- Thực hiện đúng theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo Quy định về đánh giá học sinh Trung học cơ sở và học sinh Trung học phổ thông;

- Đánh giá kết quả giáo dục trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phải bảo đảm các yêu cầu sau:

+ Mục đích đánh giá là thu thập thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt so với chương trình; sự tiến bộ của học sinh trong và sau các giai đoạn trải nghiệm. Kết quả đánh giá là căn cứ để định hướng học sinh tiếp tục rèn luyện hoàn thiện bản thân và cũng là căn cứ quan trọng để nhà trường và đội ngũ giáo viên điều chỉnh chương trình và các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

+ Nội dung đánh giá là các biểu hiện của phẩm chất và năng lực đã được xác định: năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp. Các yêu cầu cần đạt về sự phát triển phẩm chất và năng lực của mỗi cá nhân chủ yếu được đánh giá thông qua hoạt động theo chủ đề, hoạt động hướng nghiệp, thông qua quá trình tham gia hoạt động tập thể và các sản phẩm của học sinh trong mỗi hoạt động.

+ Đối với sinh hoạt dưới cờ và sinh hoạt lớp, nội dung đánh giá chủ yếu tập trung vào sự đóng góp của học sinh cho các hoạt động tập thể, số giờ tham gia các hoạt động và việc thực hiện có kết quả hoạt động chung của tập thể. Ngoài ra, các yếu tố như động cơ, tinh thần, thái độ, ý thức trách nhiệm, tính tích cực đối với hoạt động chung của học sinh cũng được đánh giá thường xuyên trong quá trình tham gia hoạt động.

+ Kết quả đánh giá đối với mỗi học sinh là kết quả tổng hợp đánh giá thường xuyên và định kì về phẩm chất và năng lực và có thể phân ra làm một số mức để xếp loại. Kết quả đánh giá Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được ghi vào hồ sơ học tập của học sinh (tương đương một môn học).

- Giáo viên nhận xét, đánh giá học sinh theo lớp được phân công giảng dạy.

4. Hình thức thực hiện

a) Phân công giáo viên:

Phân công giáo viên bảo đảm sự phù hợp giữa năng lực và chuyên môn của giáo viên với nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được đảm nhiệm; ưu tiên phân công giáo viên phụ trách theo từng chủ đề để thuận lợi trong việc xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện, hướng dẫn và đánh giá học sinh trong quá trình trải nghiệm theo yêu cầu cần đạt của chủ đề đó.

b) Xây dựng kế hoạch giáo dục:

Kế hoạch tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được xây dựng theo từng chủ đề; giáo viên được phân công đảm nhận chủ đề tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung, phương pháp, hình thức hoạt động, tổ chức cho học sinh luyện tập, thực hành trải nghiệm theo yêu cầu của chương trình và tổ chức cho học sinh báo cáo, thảo luận, đánh giá về kết quả thực hiện. Việc xây dựng thời khóa biểu bảo đảm sự linh hoạt (không bắt buộc phải chia đều số tiết/tuần, không bắt buộc thực hiện lần lượt các chủ đề theo trình tự trong sách

giáo khoa) sao cho mỗi chủ đề được tổ chức thực hiện trong một khoảng thời gian phù hợp với kế hoạch của giáo viên trong thời gian đó.

c) Tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá:

Giáo viên tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung, phương pháp và hình thức trải nghiệm trước khi thực hiện hoạt động trải nghiệm theo yêu cầu cần đạt của chủ đề. Đối với việc thực hiện hoạt động trải nghiệm, giáo viên tổ chức cho học sinh thực hành, rèn luyện và vận dụng theo nội dung, phương pháp, hình thức hoạt động đã được hướng dẫn với yêu cầu cụ thể về sản phẩm mà học sinh phải hoàn thành. Quá trình trải nghiệm có thể là hoạt động của cá nhân, nhóm nhỏ hoặc nhóm lớn, ở các không gian khác nhau trong và ngoài lớp học, trong và ngoài nhà trường tùy theo nội dung và tính chất của hoạt động. Trong quá trình học sinh thực hành trải nghiệm, giáo viên đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra quá trình thực hiện của học sinh.

Đối với đánh giá thường xuyên, giáo viên được phân công phụ trách chủ đề nào thực hiện đánh giá thường xuyên đối với chủ đề đó. Hiệu trưởng phân công giáo viên chủ trì phụ trách Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở mỗi lớp để phối hợp với các giáo viên được phân công tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở lớp đó thống nhất kết quả đánh giá thường xuyên, tổng hợp kết quả, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi, đánh giá học sinh và học bạ. Nội dung đánh giá định kì được xây dựng phù hợp với nội dung và thời lượng thực hiện chương trình đến thời điểm đánh giá. Các giáo viên được phân công thống nhất về nội dung và yêu cầu đánh giá định kì, trong đó xác định cụ thể các tiêu chí đánh giá để đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình; chú trọng đánh giá thông qua sản phẩm hoạt động trải nghiệm của học sinh.

Phụ lục 8
TỔ CHỨC KIỂM TRA NỘI BỘ NĂM HỌC 2025-2026

*(Kèm theo Kế hoạch số 148/KH-THCS ngày 11/9/2025
của Trường TH&THCS Huỳnh Thúc Kháng)*

Căn cứ Thông tư số 39/2013/TT-BGDĐT ngày 05/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Hướng dẫn số 07/HD-TTr ngày 25/02/2014 của Thanh tra Sở GDĐT Quảng Nam về việc hướng dẫn nghiệp vụ thanh, kiểm tra hoạt động sư phạm của giáo viên;

Công văn số 867/SGDĐT-GDTrH&HSSV, ngày 29/8/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Trung học năm học 2025-2026;

Trường TH&THCS Huỳnh Thúc Kháng đề ra Kế hoạch công tác kiểm tra nội bộ lĩnh vực chuyên môn THCS năm học 2025 - 2026 như sau:

1. Quy trình kiểm tra nội bộ

- Thành lập Ban kiểm tra nội bộ trường học
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học
- Thực hiện kiểm tra
- Thông báo kết quả kiểm tra
- Thực hiện xử lý sau kiểm tra
- Lưu trữ hồ sơ kiểm tra nội bộ trường học

2. Kế hoạch kiểm tra nội bộ

Tổng số giáo viên: 14 người, trong đó: biên chế: 10 người, hợp đồng trường: 04 người.

- *Học kỳ I:*

- + Kiểm tra hoạt động sư phạm giáo viên: 02 người
- + Kiểm tra chuyên đề giáo viên: 06 người
- + Kiểm tra toàn diện tổ chuyên môn: 1 tổ
- + Kiểm tra chuyên đề tổ chuyên môn: 1 tổ

- *Học kỳ II:*

- + Kiểm tra hoạt động sư phạm của giáo viên: 02 người
- + Kiểm tra chuyên đề giáo viên: 03 người
- + Kiểm tra toàn diện tổ chuyên môn: 1 tổ
- + Kiểm tra chuyên đề tổ chuyên môn: 1 tổ

Kiểm tra giáo viên:

| Thời gian | Đối tượng được kiểm tra | Dạy môn/ lớp | Hình kiểm tra |
|-----------------|-------------------------|-------------------------------------|---------------|
| HỌC KỲ I | | | |
| 10/2025 | Phạm Kim Hòa | KHTN(lý) 6;7;8;9 Công nghệ 7;8;9 | HĐSPGV |
| | Trần Thị Kim Chanh | Ngữ văn 6;8, GD CD 9 | Chuyên đề |

| | | | |
|------------------|----------------------|---|-----------|
| | Lê Xuân Huy | Tiếng Anh 6;7;8;9 | Chuyên đề |
| 11/2025 | Lưu Thị Bích Dương | Tin 6;7;8;9 | Chuyên đề |
| | Trần Thị Nga | Toán 8;9 | Chuyên đề |
| 12/2025 | Mai Mạnh Cường | GDTC 6;7;8;9 HĐTN-HN 6 | HĐSPGV |
| | Võ Đoàn Ân | Ngữ văn 7;9, GDCD 6 HĐTN-HN 9 | Chuyên đề |
| | Phan Văn Phong | Nghệ thuật 6;7;8;9 GDCD 7;8 | Chuyên đề |
| HỌC KỲ II | | | |
| 01/2026 | Lê Thị Triều | Lịch sử&Địa lý 6;7;8;9 GDĐP 8 | HĐSPGV |
| | Hồ Thị Thu Phương | KHTN(sinh) 6;7;8;9 HĐTN-HN 8 | Chuyên đề |
| | Lê Phước Tuân | Toán 6;7 | Chuyên đề |
| 03/2026 | Ngô Thị Phượng Nhanh | KHTN(Hóa) 6;7;8;9 GDĐP 6;7;9, Công nghệ 6 HĐTN-HN 7 | HĐSPGV |
| 04/2026 | Ngô Thị Hiếu Vương | Phân công HK II | Chuyên đề |

Kiểm tra tổ chuyên môn

| Thời gian | Đối tượng được kiểm tra | Nội dung | Hình thức kiểm tra |
|------------------|--------------------------------|--|---------------------------|
| 12/2025 | Tổ Tự nhiên | Tất cả các hoạt động chuyên môn của tổ. | Toàn diện |
| | Tổ Xã hội | Hồ sơ sổ sách và Công tác Bồi dưỡng HSG. | Chuyên đề |
| 03/2026 | Tổ Xã hội | Tất cả các hoạt động chuyên môn của tổ. | Toàn diện |
| | Tổ Tự nhiên | Hồ sơ sổ sách và Công tác Bồi dưỡng HSG. | Chuyên đề |

Phụ lục 9
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HÒA NHẬP
(Kèm theo Kế hoạch số 148/KH-THCS ngày 11/9/2025
của Trường TH&THCS Huỳnh Thúc Kháng)

Thực hiện Công văn số 942/SGDDĐT-GDTH, ngày 04/9/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn công tác giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2025-2026;

Trường TH&THCS Huỳnh Thúc Kháng đề ra Kế hoạch giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật như sau:

I. Mục tiêu

1. Đối với học sinh

- Tạo cơ hội học tập công bằng, phù hợp với đặc điểm dạng tật.
- Phát triển kỹ năng sống, năng lực tự phục vụ, hòa nhập cộng đồng.
- Giúp học sinh định hướng nghề nghiệp theo khả năng và điều kiện địa phương.

2. Đối với giáo viên và nhà trường

- Nâng cao năng lực dạy học hòa nhập.
- Tăng cường phối hợp giữa nhà trường - gia đình - cộng đồng.

3. Đối với cộng đồng địa phương

- Huy động các nguồn lực hỗ trợ học sinh khuyết tật.
- Góp phần xây dựng môi trường thân thiện, không kỳ thị.

II. Đặc điểm học sinh và thực tế địa phương

- Học sinh trong trường có các dạng tật:

| TT | Họ và tên HS | Lớp | Họ và tên cha (mẹ) | Thôn | Diện KT | Số ĐT |
|----|---------------------|-----|----------------------|------------|--------------|------------|
| 1 | Hồ Huỳnh Long Giang | 8/2 | Huỳnh Thị Hà | Xuân Hòa | Nghe - Nói | 0985603423 |
| 2 | Nguyễn Khánh Hùng | 8/2 | Mai Thị Thu | Dùi Chiêng | KT Khác | 0349128054 |
| 3 | Nguyễn Anh Kiệt | 8/1 | Nguyễn Văn Sinh | Dùi Chiêng | Tim-Bẩm sinh | 0354121422 |
| 4 | Trương Thị Trúc Lam | 8/1 | Trương Thị Bích Diễm | Bình Yên | Trí tuệ | 0374876804 |
| 5 | Trương Thế Anh | 7 | Trương Thế Hoàng | Bình Yên | KT khác | 0359566361 |
| 6 | Nguyễn Văn Hòa | 7 | Nguyễn Văn Hồ | Bình Yên | KT khác | 0394345305 |
| 7 | Nguyễn Minh Hoàng | 6 | Nguyễn Văn Quang | Xuân Hòa | KT Trí tuệ | 0327433788 |

- Là địa phương có điều kiện kinh tế còn khó khăn; nghề nghiệp chủ yếu là nông cơ sở vật chất còn hạn chế.

III. Nội dung và hình thức hoạt động

1. Hoạt động trong lớp học

- Điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp và đánh giá theo từng dạng tật.
- Sử dụng đồ dùng trực quan, CNTT, hình ảnh, video minh họa.
- Tổ chức học nhóm đôi bạn cùng tiến, HS hỗ trợ lẫn nhau.

2. Hoạt động ngoài giờ lên lớp / trải nghiệm

- Khiếm thính: tham gia hoạt động thủ công, mỹ thuật, thể thao phù hợp.
- Khiếm thị: tham gia âm nhạc, kể chuyện, xoa bóp, trò chơi cảm nhận.
- Khuyết tật vận động: tham gia CNTT, đọc sách, các trò chơi trí tuệ.
- Chậm phát triển trí tuệ: tham gia hoạt động kỹ năng sống, trò chơi đơn giản, lặp lại.

3. Hoạt động hướng nghiệp

- Giới thiệu các nghề truyền thống địa phương (trồng trọt, chăn nuôi...).
- Liên kết với trung tâm GDNN - dạy nghề để HS khuyết tật có cơ hội học nghề phù hợp.

4. Hoạt động cộng đồng

- Tổ chức “Ngày hội hòa nhập” - HS bình thường và HS khuyết tật cùng tham gia.
- Phối hợp đoàn thể, y tế địa phương chăm sóc sức khỏe, tư vấn tâm lý cho HS.

5. Tổ chức thực hiện

- Lãnh đạo nhà trường: chỉ đạo, xây dựng kế hoạch tổng thể, phân công giáo viên.
- Giáo viên bộ môn: soạn giáo án có điều chỉnh, áp dụng phương pháp dạy học phân hóa.
- Giáo viên chủ nhiệm: kết nối gia đình, theo dõi sự tiến bộ từng HS.
- Phụ huynh: phối hợp hỗ trợ HS học tập, kỹ năng sống.
- Địa phương/đoàn thể: tạo điều kiện cho các em được trải nghiệm.

IV. Đánh giá

- Đánh giá thường xuyên theo quá trình, chú trọng sự tiến bộ cá nhân, không so sánh với HS bình thường.
- Có sổ theo dõi riêng cho từng HS khuyết tật.
- Tổ chức sơ kết học kỳ, tổng kết năm học, rút kinh nghiệm.

Phụ lục 1-TH: Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học.

| Tháng | Chủ điểm | Nội dung trọng tâm | Hình thức tổ chức | Thời gian thực hiện | Người thực hiện | Lực lượng cùng tham gia |
|----------|-------------------------|---|---|------------------------------------|--|----------------------------------|
| Tháng 9 | Truyền thông nhà trường | <ul style="list-style-type: none"> - Ổn định nề nếp lớp học - Thảo luận nội quy, nhiệm vụ năm học mới. - Tổ chức Khai giảng, ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường. - Tuyên truyền giáo dục truyền thống của nhà trường. - Tuyên truyền về ATGT - Tuyên truyền về phòng bệnh | <ul style="list-style-type: none"> - Lập kế hoạch cụ thể gửi đến các lớp tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra - Tổ chức tuyên truyền trong tiết HĐTN chào cờ đầu tuần | Thực hiện trong giờ HĐTN | BGH, TPT, GVCN, các bộ phận có liên quan trong nhà trường, Học sinh | Toàn trường |
| Tháng 10 | Chăm ngoan học giỏi | <ul style="list-style-type: none"> - Đại hội Chi đội, Đại hội Liên đội - Tổ chức tuyên truyền về an toàn vệ sinh thực phẩm - Sinh hoạt chủ điểm 20/10 | <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức trong giờ HĐTN, SHL - Toàn trường | Tiết HĐTN (SHDC), SHL Tuần 5,6,7,8 | - BGH, TPT, GVCN, các bộ phận có liên quan trong nhà trường, - Học sinh | Toàn trường Mời trạm y tế xã. |
| Tháng 11 | Yêu quý thầy cô giáo | <ul style="list-style-type: none"> - Hội thi vẽ tranh chào mừng ngày 20/11 - Sinh hoạt kỷ niệm Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 | Tập trung | Từ 11/11-16/11 | - BGK, - CB,GV,NV - Học sinh | Toàn trường |
| Tháng 12 | Uống nước nhớ nguồn | Hội thi Kể chuyện anh hùng chi đội em mang tên | Tập trung | -16/12/ - 22/12/2025 | - BGH, - GVCN - HS | Toàn trường |
| Tháng 01 | Mừng Đảng mừng Xuân | Ngày hội STEM Giải Thể thao cấp trường | Tập trung | - Tuần 18B | - BGK - GVCN - Tổ trọng tài - Học sinh | |
| Tháng 02 | Mừng Đảng mừng Xuân | | | | | |

| | | | | | | |
|----------|--------------------|---|-----------|------------|----------|-------------|
| Tháng 03 | Tiến bước lên Đoàn | Hoạt động trải nghiệm | Tập trung | Trước 26/3 | Học sinh | Toàn trường |
| Tháng 04 | Hoà bình hữu nghị | Hội thi kể chuyện theo sách (Hưởng ứng Ngày Sách và Bản quyền thế giới) | Tập trung | Trước 23/4 | Học sinh | Toàn trường |
| Tháng 5 | Mừng sinh nhật Đội | Hội thi Chỉ huy Đội giỏi | Tập trung | Trước 15/5 | Học sinh | Toàn trường |